

NGUYỄN ĐẮC XUÂN

**CHUYỆN
CÁC BÀ
TRONG
CUNG NGUYỄN**
(Tập I)



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA - HUẾ 1994

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

Nguyễn Đắc Xuân

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

- 1 -

- 2 -

- 3 -

- 4 -

- 5 -

- 6 -

- 7 -

- 8 -

- 9 -

- 10 -

- 11 -

- 12 -

- 13 -

- 14 -

- 15 -

- 16 -

- 17 -

- 18 -

- 19 -

- 20 -

- 21 -

- 22 -

- 23 -

- 24 -

- 25 -

- 26 -

- 27 -

- 28 -

- 29 -

- 30 -

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 1 -

**MỘT NGƯỜI CON GÁI THUẬN HÓA TRONG BINH NGHIỆP ĐẦU
TIÊN CỦA NGUYỄN HOÀNG**



Rời miền Bắc, Nguyễn Hoàng giong buồm tiến thẳng vào Nam. Cặp bến cảng Yên Việt (Cửa Việt), bản bộ tướng quân lên bờ dựng doanh trại trên cồn cát thuộc xã Ai Tử huyện Vũ Xương (Triệu Phong). Quân trinh sát của Nguyễn đi khắp vùng Thuận Hóa nghiên cứu địa hình, địa vật...

Kết quả nghiên cứu được trình lên, Nguyễn Hoàng rất thích thú với địa thế xã Phú Xuân thuộc huyện Hương Trà “núi sông vàng tụ, cảnh đẹp dân giàu”. Được địa lợi, Đoan Quốc Công liền bàn đến việc “thi hành đức chính để vỗ về dân chúng” nhằm xây dựng cơ nghiệp lâu dài.

Lúc đó, tướng nhà Mạc là Quận Lập đang đóng dinh cơ tại Khang Lộc (Lệ

Ninh) nghe tin Đoàn Quốc Công thừa lệnh Trịnh Kiểm vào trấn đất Thuận Hóa lấy làm tức giận.

Để trừ hậu họa, Quận Lập tức tổ chức hai cánh quân vào đánh Đoàn Quốc Công. Cánh thứ nhất gồm 30 chiếc thuyền đến ngay Cửa Việt thị uy; cánh thứ hai gồm một ngàn bộ binh đi qua đường Hồ Xá – Lăng Uyển (?) đến đóng ở miếu Thang Tương (?) dự định sẽ đánh úp cướp doanh trại của chúa Tiên (tức Nguyễn Hoàng Đoàn Quốc Công).

Trước thế lực của Quận Lập (nhà Mạc), chúa Tiên rất lo lắng: Vì quân Nguyễn vốn vụn chỉ có mười chiếc thuyền, bộ binh không có làm sao có thể đương đầu với quân nhà Mạc?

Một đêm, bên ngọn đuốc, chúa Tiên đang thao thức, tư lự... bỗng nghe bên bờ sông tiếng sóng nước kêu “trảo thảo” Chúa lấy làm lạ! Sáng hôm sau, thấy một vùng nước xô sóng cuộn khác thường. Chúa ngược mắt nhìn trời khẩn thềm:

- Trên sông nếu có thần linh xin phù hộ cho, đánh tan quân giặc, sẽ lập miếu phụng thờ bốn mùa tế lễ!

Đêm hôm ấy Chúa nằm mơ thấy một người đàn bà mặc áo xanh, tay cầm chiếc quạt thẻ đến thưa rằng:

- Tướng quân muốn diệt trừ nguy đảng cần lập kế dụ chúng đến bãi cát ven sông, thiếp sẽ giúp sức trừ được, khỏi phải phiền nhiễu đến dân trong miền.

Nói xong người trong mộng buông tay áo ra đi... Chúa tỉnh dậy, trong lòng thềm vui. Chúa nghĩ: “Chiêm bao thấy người đàn bà bảo ta phải lập kế dụ địch, như vậy ắt phải dùng kế mỹ nhân”.

Lúc bấy giờ Chúa mới có một nàng hầu đẹp, quê ở xã Thế Lại (Huế) tên là Ngô Thị Lâm. Tuy là phận gái nhưng bà gan dạ, có mưu trí, ứng đối trôi chảy, nhan sắc thì “Nguyệt mờ hoa thẹn, dáng điệu cá lặn chim sa” so với nàng Tây Thi ở Hàm Đan (Trung Quốc) chẳng kém bao nhiêu! Chúa cả mừng, gọi nàng Lâm đến giao nhiệm vụ: đem vàng bạc, kỳ nam đến trại quân nhà Mạc, tiến dâng các vật báu, xin mở đường hòa hiếu. Nếu cần nàng phải ưng chịu cho Quận Lập tư thông, mục đích là làm sao dụ được Lập đến đất Trảo Trảo để có kế diệt trừ. Thật là chuyện lạ đời, ngoài sức tưởng tượng của một người con gái, nàng Lâm sụp lạy kêu khóc:

- Tiệp thiệp từ khi được theo hầu Chúa thượng, dốc lòng theo nữ đạo, giữ gìn tiết giá phu nhân. Nếu Chúa muốn thiệp nhảy vào chỗ nước sôi lửa bỏng muốn chết thiệp không dám chối từ. Nhưng nếu bảo thiệp để cho Quận Lập tư thông thì thiệp không thể nào hiểu được. Thần thiệp xin nhận tội chết chứ không thể nào làm theo lời Chúa thượng.

Chúa vừa đau xót vừa kính phục người tiết phụ tìm lời an ủi và thuyết phục nàng.

- Lời của nàng thật đúng với phẩm hạnh lớn của đàn bà. Ta hiểu rõ lòng nàng. Nhưng nay vì sự nghiệp “quốc gia đại sự” nếu nàng không xả thân thì không có ai ở đây có thể phá được giặc. Nàng hãy cứ nghe lời ta, đừng chối từ.

Nàng Lâm đành lau nước mắt và làm theo lệnh Chúa.

Mang lễ vật đến doanh trại Quận Lập, nàng Lâm cung kính thưa:

- Thân vâng mệnh quan Quận Đoan, nghe tin minh công oai trời sắp đến, lo sợ khôn xiết, đặc cách sai tiệp thiệp đem ít đồ vật xưa đến lễ mừng để bày tỏ thành tâm. Xin minh công cho lập lễ thề: Minh công làm huynh trưởng, bản quan của thiệp làm nghĩa đệ, cùng đồng lòng chung sức may mới tránh khỏi hiểm thù đánh giết lẫn nhau gây đau thương cho trăm họ.

Quận Lập liếc mắt ranh mãnh, cất giọng cả mắng:

- Người muốn làm sứ giả đàn bà đến thuyết khách để câu ta đó chẳng?

Thị Lâm giả vờ run sợ, sụp đầu van lạy nhưng vẫn liếc mắt chuyển làn thu ba đưa tình... Quận Lập vốn là một tên tham của, mê gái, thấy nàng Lâm xinh đẹp, quyến rũ, ăn nói ngọt ngào, lửa dục trong y bốc lên. Quận Lập liền đổi thái độ, sai người ra nhận lễ vật rồi đứng dậy bước đến cầm tay nàng Lâm dắt vào phòng riêng... Nàng Lâm đã dùng kế “cành dương ngả theo bóng dương” khiến cho Quận Lập đắm say mê muội... Nàng Lâm nhắc lại việc lập đàn thề. Quận Lập chiều ý, liền nghe theo.

Với sự cảnh giác, Quận Lập cho trinh sát đi thám thính biết Quận Đoan quân ít, không có gì đáng phải sợ, bèn cùng với nàng Lâm định ngày làm lễ thề kết nghĩa.

Được tin Quận Lập đã bằng lòng, Đoan quận công mừng rỡ khôn xiết, sai người bí mật đến vùng Trảo Trảo dựng một gian miếu tranh, đào hố ngầm bốn phía, chọn một số dũng sĩ cầm khí giới ẩn mình trong hố dùng cỏ lác và cát lấp bên trên như đất liền. Để một ít người già yếu cầm chổi, xách sọt đứng ở cửa

miếu... đợi lệnh.

Hạ tuần tháng mười năm ấy, nàng Lâm đưa Quận Lập đến miếu tranh làm lễ thề... Thấy quân binh Quận Đoàn không bao nhiêu lại có vẻ già yếu, Quận Lập chủ quan không đề phòng.

Bắt chước Quan Vân Trường ngày xưa, Quận Lập dùng một chiếc đồ nhỏ cùng với 30 lính thân hành đến chỗ hội thề.

Khi thuyền Quận Lập ghé vào cồn cát Trảo Trảo, ngay trước cửa miếu, Quận Lập cầm bảo đao bước lên bộ đi thẳng vào miếu. Nàng Lâm theo sau, thành thót gọi:

- Xin minh công bước chậm lại kéo bản quan của thiếp lo sợ...

Quận Lập cất tiếng cười vang và đi chậm rãi. Từ xa Đoàn Quốc Công áo mào chỉnh tề chấp tay kính cẩn đón chờ... Thành linh Đoàn Quốc Công quát lớn:

- Quân bay mau dậy đón tiếp tôn huynh!

Quân mai phục dọc theo các hố cát vùng dậy xông vào vây bắt. Quận Lập cả kinh, hồn xiêu phách lạc co giò tháo chạy... Ra đến bờ sông thì thuyền vừa rời bến, Quận Lập dốc hết sức bình sinh nhảy ào lên mạn thuyền, nhưng... vị tướng hiếu sắc rơi tõm xuống nước. Ngay lúc ấy bộ tướng của Đoàn Quốc Công là Thự Trung và Thự thiết ào tới, thấy Quận Lập đang lóp ngóp dưới sông bèn dương cung bắn chết. Quan hầu của Quận Lập hoảng loạn mạnh ai nấy chạy tìm đường thoát thân.

Thăng trận, về bản doanh, Đoàn quận công mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, sai người tôn tạo miếu Trảo Trảo và sắc phong cho vị thần linh ấy là “Linh thu phổ trạch tướng hựu phu nhân” bốn mùa cúng tế.

Riêng nàng Lâm, Chúa gọi đến bảo rằng:

- Trừ được Quận Lập và phe đảng là nhờ công lao to lớn của nàng. Ta muốn chọn người tài trí gả chồng cho nàng để tại thành địa vị công khanh thoát kiếp cô đơn của kẻ nô tỳ và cũng là để làm hiển trạng công lớn.

Nàng Lâm khóc lóc, than rằng:

- Ý nguyện bình sinh của thần thiếp là được cầm khăn lược theo hầu Chúa thượng giữa trọn tiết trinh. Chỉ vì việc nước mà xác thân ô uế, khó mà rửa được. Vậy từ nay thần thiếp xin giữ việc bếp núc, quét tước đền ơn thánh chúa vẹn đạo làm tôi. Còn việc Chúa thượng muốn cải giá cho thần, thì đến cùng,

thần sẽ chẳng dám phụng mệnh. Xin Chúa thương lượng thứ cho.

Chúa cười đáp:

- Đây là việc nước, không phải lỗi hay tội tình riêng của nàng. Đền công đáp nghĩa là do ý muốn tự bản thân ta và nàng nên nghe theo để làm sáng tỏ thân danh với đời sau.

Chúa ân cần khuyên giải, vỗ về nhiều bận, nàng mới vâng chịu. Bấy giờ có Ngô Côn, người gốc Nghệ An, làm phó Doãn sự ở vệ Thiệu Vũ đang theo giúp việc tại phủ chúa. Ngô Côn tướng mạo khôi ngô, văn võ kiêm toàn, thông kim bác cổ... rất được Chúa yêu mến nên được Chúa chọn cho kết duyên với nàng Lâm xinh đẹp. Tân nhân và Tân lang bái vọng tạ ơn rồi làm lễ giao bôi và động phòng hoa chúc...

(Theo Nam Triều Công nghiệp diễn chí)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 2 -

QUẬN CHÚA A-MÔ

(hay Sắc đẹp và tiếng nói của đàn bà)

Để sống yên ở phương nam, Nguyễn Phúc Nguyên (tức chúa Sãi) đã tích cực đắp thành lũy, trang bị vũ khí mới cho quân đội để khi cần có thể đương đầu với quân Trịnh ở phía Bắc. Một trong những trở ngại khó vượt qua của chúa Nguyễn là vấn đề mua sắt, đồng, diêm tiêu để đúc súng. Chúa Sãi nhờ bọn thương gia Hòa Lan, Bồ Đào Nha, Tàu, Nhật... nhưng bọn này không thật lòng nên Chúa không yên tâm. Cuối cùng Chúa đã biết phát huy truyền thống của phụ nữ Việt Nam, gả một người con gái cho thương gia Nhật tên là Araki Sôtarô (Hoàng-mộc Tôn-thái-lang). Thương gia này vừa làm chủ một cửa hàng lớn ở Hội An vừa có tàu viễn dương đi mua bán ở hải ngoại. Từ đó bà quận chúa xứ Đàng trong ngày đêm tì tê với chồng, Araki Sôtarô không thể từ chối được người đẹp nên ông đã thỏa mãn mọi yêu cầu của chúa Sãi. Chúa Sãi cần gì thì tàu của Araki đi Áo Môn, Quảng Đông và trường Kỳ chở về ngay thứ ấy. Nhờ thế mà quân đội của chúa Nguyễn được trang bị rất đầy đủ, mọi cuộc tấn công của quân Trịnh ở phía Bắc vào đều bị chặn đứng.

Theo nhà Đông phương học Duy-mu-chi-ê (Pháp) thì bà quận chúa xứ Đàng trong này tên là Amô. Trong một chuyến về thăm quê chồng, quận chúa bị giữ lại ở Nhật bởi nghiêm lệnh của Mạc-phủ Đức-xuyên cấm những người Nhật đi thông thương hải ngoại. Vì thế mà đôi vợ chồng Việt-Nhật này không trở lại được đất Thuận Quảng. Năm 1845 bà mất ở Trường Kỳ và mai táng tại chùa Dainonji. Con cháu của bà còn giữ một cái gương soi của bà đem ở nước Nam qua, bề ngang tấm gương đo được ba tấc rưỡi, bề cao ngót bốn tấc, chung quanh chạm trổ và mạ vàng y như của người Tây phương.

(Theo Việt sử giai thoại của Đào Trinh Nhất, Hn, 1943)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 3 -

VÌ NỮ SẮC SỰ NGHIỆP SUÝT TAN TÀN

Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) có công trong việc dời dinh phủ từ Phước Yên vào Kim Long, lại lập được nhiều võ công hiển hách trong các cuộc chiến tranh với quân Trịnh (ở phía Bắc), với quân Chiêm (ở phía Nam), với giặc Ô-Lan (tức Hòa Lan) ngoài biển Đông. Thời đại ông là một trong những giai đoạn vàng son nhất của các chúa Nguyễn nở xứ Đàng trong. Thế mà sự nghiệp ấy suýt vỡ tan vì nhan sắc một góa phụ...

Nguyên chúa Sãi (1613-1635) có người con trưởng là Nguyễn Phúc Kỳ trấn thủ Quảng Nam (1). Kỳ làm rể Cai cơ Tống Phước Thông. Sống với vợ là Tống Thị, sinh được ba con, bỗng nhiên Kỳ mất (27-7-1631). Trong tâm tư, Phước Thông nuôi hy vọng con rể sẽ nối nghiệp chúa, nào ngờ cái chết đột ngột của Kỳ, nên ông hết sức thất vọng. Ông quyết định đưa cả gia quyến về miền Bắc, riêng nàng Tống Thị không chịu theo cha hồi hương (?).

Lúc thuyền Phước Thông vừa ra đến vùng biển thuộc xứ Đàng ngoài, nàng Tống Thị liền vào thăm em chồng là Nguyễn Phúc Lan đang ở ngôi chân chủ tại phủ Kim Long...

Tống Thị là một nhan sắc diễm lệ. Nàng sẵn vốn sắc nước hương trời lại thêm thuận đưa tình gợi cảm, ăn nói, cử chỉ quyến rũ, duyên dáng, khôn ngoan. Nàng còn có một phương thuật chinh phục tình yêu đến kỳ lạ. Phương thuật đó nằm trong một xâu chuỗi kết bằng trăm thứ hoa! Từ xâu chuỗi toát ra một mùi thơm ngậy ngất làm cho nhiều kẻ quyền cao chức trọng phải đắm đuối say mê, quên cả đạo nghĩa luân thường, thanh danh, sự nghiệp coi nhẹ tựa lông hồng.

Trong số những “nạn nhân” của nàng có Công thượng vương Nguyễn Phúc Lan.

Từ khi gặp chị dâu, tiếp nàng Tống Thị có xâu chuỗi trăm hoa (1639), tâm thần chúa Thượng mê mẩn, ngày đêm tơ tưởng, ăn ngủ không yên. Chúa bèn cho phép Tống Thị được tự do ra vào Vương phủ... Lòng say mê dâng cao qua những lần gặp gỡ, bất chấp cả luân thường đạo lý, luật lệ chốn Vương phủ, em chồng và chị dâu đi vào ái ân hoan lạc bất luận đêm ngày...

Góa phụ họ Tống được Chúa sủng ái, quý trọng, tin cậy đến độ nàng muốn nói gì thì nói, làm gì thì làm. Nàng khiến làm gì Chúa cũng nghe theo.

Lên đến đỉnh quyền uy, Tống Thị bắt đầu hành động: nàng xúi dục Chúa trừng trị những người mình oán ghét, nhất là những cận thần trung nghĩa dám can gián Chúa, những kẻ tỏ ý khinh khi, miệt thị những việc làm dâm ô bất chính và ám muội của nàng.

Đắm mê sắc dục, nghe lời yêu nữ làm nhiều việc sai trái, tính tình chúa Thượng dần dà thay đổi. Từ một người khiêm nhã, nhân hậu, chúa Thượng trở thành một hôn quân, một bạo chúa nóng nảy, hiếu sát, đắm mê vật dục, xa xỉ. Từ một vị vương chiến công hiển hách, Chúa trở thành kẻ hoang dâm vô độ đến bỏ bê quốc sự, coi nhẹ xã tắc sơn hà. Thế là Tống Thị đã tạo được chỗ đứng, đã triệt hạ những người đối lập. Nàng ra tay làm giàu bằng cách nhận hối lộ của những kẻ cúi lồn cầu cạnh. Nàng thẳng tay bóc lột đám dân đen... Chẳng mấy chốc nàng trở thành một tay cự phú đứng đầu đám nhà giàu trong toàn cõi. Tiền bạc như nước, vàng ngọc châu báu chất đầy rường hòm, ruộng đất cò bay thẳng cánh.

Nạn nhân nào dám kêu rên, than thở, oán trách thì chỉ một lời của Tống Thị là lập tức bọn nha quân theo lệnh Chúa đến bắt giam cầm hoặc đánh đập, hoặc hành hạ đến chết bêu xác giữa chợ hay ven đường.

Số người chết oan ức vì một tay Tống Thị ngày càng nhiều, nhưng mọi lời ta thán đều bị bưng bít bởi những vụ khủng bố. Những lời can gián chẳng những không có hiệu quả mà ngược lại chỉ làm tăng thêm các cơn thịnh nộ lôi đình, rước thêm tai họa cho những bậc trung ngôn. Ngay cả Nguyễn Phước Khê (con thứ mười của Nguyễn Hoàng), chú ruột của Nguyễn Phúc Lan, trước giờ lâm chung, chúa Sãi đã ủy thác giải quyết mọi việc chính sự giúp đỡ thế tử còn trẻ kém lịch duyệt, Nguyễn Phước Khê cũng từng cố công dẹp bọn phản nghịch... Thế mà giờ đây cũng đành bất lực không khuyên bảo, can gián nổi. Chúa Thượng thì không những để ngoài tai những lời dị nghị, những khuyên bảo... mà còn tiến xa hơn trên đường tội ác. Để chứng tỏ mối tình keo sơn nồng đượm của mình đối với người đẹp, Chúa quyết định xây một lâu đài nguy nga tráng lệ để cùng nhau an hưởng tuổi xế chiều. Cái lâu đài lạc thú mà chúa Thượng định xây đòi hỏi rất nhiều tiền của, nhân công và vật liệu.

Chúa truyền bắt trăm họ phải lên núi lấy đá quý, lên rừng lấy gỗ quý, phải tập

trung đủ nhân công và thợ giỏi để thực hiện việc xây cất. Sưu dịch từ đó càng thêm nặng nề, ác liệt. Lại thêm trời hạn hán, mất mùa... dân tình đã đói kém lại càng thêm khổ ải. Tiếng kêu than vang khắp đó đây. Trong vương phủ, những ai còn chút lương tâm đều oán ghét Tống Thị và run sợ cho sự nghiệp của Chúa.

Chưởng cơ Nguyễn Phước Trung-em ruột của Chúa Thượng- vốn có tính nóng nảy, cứng rắn. Ông nuôi một bầy thú dữ để mua vui. Thấy Tống Thị quá lộng hành, ông đã gọi đích danh Tống Thị xỉ mắng cùng đe dọa để bà ta dừng tay tội ác. Ông nói: “Đã đến lúc ta phải cho bầy ác thú của ta nhai xương xé xác con mẹ dâm phụ họ Tống để rửa hờn cho sĩ thứ. Có làm được như thế ta mới hả lòng”.

Nghe lời đe dọa của Chưởng cơ, Tống Thị rất lo sợ! Vì bà biết rõ tính tình ông: đã nói là làm. Bà tránh mặt ông Chưởng cơ, cố nuốt giận để tìm dịp phục thù.

Tuy vậy lời đe dọa của Chưởng cơ cũng có làm cho y thị chùn lại phần nào, nhưng rồi lại tái diễn: chúa Thượng vẫn chưa bỏ ý định bóc lột lương dân để xây dựng “lạc đài” cùng dâm phụ vui vầy.

Theo gương trung dũng của Chưởng cơ, Nội tán họ Phạm, vốn là người cương trực, tiết khí, đã thẳng vào Vương phủ Kim Long, khấu đầu thi lễ rồi khẳng khái tâu bày với Chúa:

- Thân Chúa, xin hãy chém đầu hạ thần, nếu chúa Thượng không còn nghe những lời trung ngôn! Kẻ bầy tôi này không thể sống mà chịu tiếng bất trung bằng lòng nhắm mắt, ngậm tẩm trước những chuyện trái ngang có hậu quả đưa tới nhiều nguy cơ cho đại nghiệp!

Thái độ quyết liệt của Nội tán họ Phạm làm chúa Thượng sửng sốt. Chúa đưa tay ra hiệu cho Nội tán cứ việc tâu bày. Phạm Nội tán cất giọng đanh thép:

- Thân Chúa! Lịch sử xưa nay, điều kiêng kỵ nhất trong phép trị quốc là xây đắp cung điện bằng oán hờn của trăm họ, chất chứa kho lẫm bằng máu mủ của lê dân. Và lại, phép làm chính trị phải tôn trọng cương thường. Nay chúa Thượng đã vì lòng nịnh ái một phụ nhân dâm laonj đến coi nhẹ đạo lý, nhân luân, buông lỏng giềng mối, gây cảnh điêu linh thống khổ cho sĩ thứ lê dân giữa lúc thiên tai hạn hán đang dấy khởi, lan tràn... thì nhất định khó tránh khỏi cái họa suy vong: “Thượng bất chính, hạ tắc loạn”. Là kẻ bầy tôi, trong hoàn cảnh này, nếu không làm tròn trách nhiệm “tránh thần” để cứu vãn tình thế, thì chỉ còn cái chết mới mong bảo toàn được khí tiết, khỏi phải lỗi đạo ái quốc, trung

nhân!

Dứt lời, Phạm Nội tán tuốt gươm khỏi vỏ, sẵn sàng tuấn tiết trước mặt chúa Thượng. Biết rõ khí tiết của vị trung thần, chúa Thượng vội bước xuống, đến bên Nội tán ân cần phán bảo:

- Xin Phạm Nội tán hãy dẫn tâm. Những lời trung nghĩa của người đã thức tỉnh ta rồi!

Ngay sau đó chúa Thượng hạ lệnh bãi bỏ việc xây cất lâu đài, gấp rút tổ chức công cuộc chấn tế... và bản thân Chúa dần lánh xa Tống Thị.

Thật may mắn! Sự nghiệp của chúa Thượng đã tránh khỏi sự sụp đổ vì nữ sắc. Nhưng tội ác của người đàn bà gian dân này vẫn chưa được chặn đứng, Tống Thị vẫn tiếp tục tác quái...

(Theo Nam triều khai quốc công nghiệp diễn chí)

Ghi chú:

(1) Các chúa Nguyễn thường cử các kế tử vào làm trấn thủ đất Quảng Nam để tập sự, chuẩn bị nối nghiệp chúa tại Phú Xuân.

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 4 -

ÁC THÚ KHÔNG BẰNG ÁC NHÂN

Do lời điều trần của Phạm Nội tán nên Tống Thị bị thất sủng. Ngày đêm Tống Thị tìm mưu tính kế trả thù. Thị nghĩ phải làm sao cho sụp đổ toàn cơ nghiệp của họ hàng chúa Nguyễn xứ Đàng trong mới hả dạ.

Bà ta viết một mật thư kèm theo một xâu chuỗi trăm hoa do chính tay bà kết rồi sai người tâm phúc đem ra cho thân phụ là Tống Phúc Thông, nhờ dâng lên tận tay chúa Trịnh Tráng. Nội dung lá thư nói lên lời thỉnh cầu khẩn thiết xin Trịnh Tráng sớm cất quân tiến vào đánh Thuận Hóa, bà nguyện sẽ đem hết gia sản lớn lao của mình ra lo việc nuôi quân. Cuộc Nam phạt thành công, bà xin về Đàng ngoài hầu hạ Chúa.

Trịnh Tráng xem thư rất thích chí lại ngửi đến mùi hương của chuỗi hoa, bỗng cảm thấy bần thần xao xuyến... càng nhìn nét chữ càng mơ tưởng đến mỹ nhân nơi phương trời, lòng rộn rã mến thương, nhớ nhung và nôn nóng mong được thấy dung nhan để vui vầy cá nước.

Trong niềm khát khao, chúa Trịnh gấp rút tổ chức cuộc Nam phạt để làm đẹp lòng Tống Thị.

Bị đánh bất ngờ, quân Nguyễn thua to. Quân Trịnh chiếm được Nam Bố Chánh, hạ được lũy Thầy, đóng quân tại Võ Xá. Thế là lần này quân Trịnh chắc chắn sẽ đánh tan quân Nguyễn. Nhưng tại trại Toàn Thắng, đại quân của Thượng Vương với cha con Trương Phúc Phấn, Trương Phúc Hùn đã cầm cự dũng mãnh, giữ vững lũy Trường Dục. Một trăm thớt voi uy vũ lẫm liệt dưới quyền điều khiển của thế tử Nguyễn Phúc Tần cùng với quyết tâm của các hổ tướng: Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật, quân Nguyễn đã lật ngược thế cờ.

Bị phản công như vũ bão, Trịnh quân rối loạn hàng ngũ, đạp lên nhau chạy không còn manh giáp về tận bờ bắc sông Linh... Trịnh Tráng thêm một lần vờ

mộng xâm lấn đất Thuận Hóa!

Tiếng súng đại thắng vừa dứt, tin vui chưa về đến Kim Long thì có tin chúa Thượng đã đột ngột mất trên đường về qua phá Tam Giang! Thật là một tin sét đánh. Có thuyết cho rằng chúa Thượng không chết vì bạo bệnh mà có lẽ vì một âm mưu đầu độc của Tống Thị. Phải chăng tình báo của chúa Nguyễn không thấy sự việc này? Không hiểu khả năng tình báo của chúa Nguyễn lúc bấy giờ ra sao. Chỉ thấy họ tỏ ra hoàn toàn mù tịt trước sự liên lạc của Tống Thị với chúa Trịnh ở Đàng ngoài. Cho đến lúc chúa Thượng mất, vẫn chưa có ai ở Đàng trong hay biết gì về tình tiết của cuộc can qua năm Mậu Tý (1648) vừa qua là do bàn tay Tống Thị. Vì thế, sau khi chúa Thượng qua đời Tống Thị vẫn còn lén lút hoạt động bên cạnh Vương phủ ở Kim Long.

Thế tử Nguyễn Phúc Tần, 28 tuổi, đã có kinh nghiệm trong việc trị quốc, đã lập nhiều chiến công bình Chiêm, thắng Trịnh, đuổi giặc Ô-Lan ngoài biển Đông... lên kế nghiệp Vương.

Nguyễn Phúc Tần trở thành mối đe dọa của Tống Thị. Gian phụ lại phải hoạch định một âm mưu mới để đối phó.

Âm mưu này cũng khá táo bạo. Quỷ kế của Tống Thị nhắm vào Nguyễn Phúc Trung – người đã từng dọa thả bầy ác thú xé xác dâm phụ để trả thù cho sĩ thú. Tống Thị nghĩ là chỉ có Phúc Trung mới lật đổ được cháu của ông. Tống Thị ngầm huấn luyện cho nàng Hoa, một nữ tỳ duyên dáng nhất thành một người thành thạo trong việc phục dịch các chốn cao môn rồi nhf[người tin cẩn tiến vào dinh Nguyễn Phúc Trung. Nàng Hoa hàng ngày tin cho Tống Thị biết những sở thích của Trung. Và bà ta truyền ngón cho nàng Hoa thỏa mãn đòi hỏi của Trung.

Thường mỗi lần dùng trà ngon, Phúc Trung thích dùng đồ ngọt. Tống Thị liền giúp nàng Hoa dâng lên một quả bánh ngọt rất đẹp kèm theo xôi chuối trăm hoa vô cùng ngoạn mục.

Phúc Trung ăn bánh, nhấp trà gật gù khen: tuyệt diệu! Rồi... trong hương vị trà quý, bánh thơm ngọt, mùi hoa từ râu chuối ma quái tỏa ra khiến Phúc Trung cầm lấy hoa ngắm nhìn mãi không chán. Bất giác Trung cảm thấy bồi hồi ngây ngất và lửa dục bốc lên, ông khao khát được thấy người đã dâng bánh tặng hoa... Nàng Hoa vừa giả bộ kín đáo vừa làm duyên giấu giếm, chối từ quanh quẩn để kích thích cho ham muốn của Trung đến cao độ rồi mới khai chủ nhân của những món quà quý ấy chính là Tống Thị. Trong phút đắm mê, Phúc Trung không còn nhớ những chuyện cũ, không còn biết đất trời gì nữa, ông bảo nàng Hoa khẩn cấp đưa Tống Thị vào dinh...

Ngay tối hôm ấy, Tống Thị trang điểm thật lộng lẫy theo nàng Hoa lên vào dinh. Đứng trước nhan sắc kiều diễm phục sức trang nhã, phong cách yếu điệu thực nữ của Tống Thị, Phúc Trung có ảo giác như vừa trông thấy một giáng tiên vừa đội trăng sao vừa rẽ khói vén mây đến với mình... Tống Thị vờ lễ độ khép nép thi lễ rồi thỏ thẻ thưa:

- Trước đây, tiện thiếp vì khiếp sợ uy danh của bậc cao minh quân tử nên phải ẩn tránh, nay cũng vì nể sợ uy danh mà phải đêm hôm đến đợi lệnh dưới trướng!

Phúc Trung nghe những lời thưa gửi như mật rót vào tai ấy, tâm thần trở nên mê mẩn, ông chấp tay vái lia lịa để tạ lỗi. Và... đêm hôm ấy, với kỹ thuật ái ân “tía rụng hồng rơi” Tống Thị đã chinh phục được lòng nịch ái, đắm say của một võ quan hung bạo đã từng xem bà như một loại ma quái cần xé xác phanh thây.

Tống Thị trước là vợ của Nguyễn Phúc Kỳ, sinh được ba con trai, sau Kỳ mất. Tống Thị ve vãn và truy hoan với em chồng là Phúc Lan và giờ đây, sau khi Lan chết, Tống Thị lại sử dụng thuật ái ân để thao túng em Lan là Nguyễn Phúc Trung.

Thế là những gì phải xảy ra đã xảy ra... Nghe theo lời Tống Thị, Phúc Trung bỏ tiền của kết nạp dũng sĩ chuẩn bị một cuộc “đảo chánh” vào trung tuần tháng tư năm Giáp Ngọ (1654) lật đổ Hiền Vương. Những người tham gia cuộc đảo chánh đều có tên trong một danh sách do Tống Thị cất giữ.

Nhưng may mắn thay! Trời không dung kẻ tham tàn. Trong đám thuộc hạ của phe Tống Thị - Phúc Trung có người tên là Thăng Bối, khi hay tin có cuộc dấy loạn này y đã bí mật cấp báo cho Hiền Vương biết.

Được tin ngày trước, hôm sau bất thần Chúa ban lệnh “giới nghiêm”: chợ không được họp, đường sá cấm người đi lại, khắp nơi từ thôn xã, đến sơn khê quân dân ai đâu ở đấy không được di chuyển. Đồng thời tại Thượng Đô, Hiền Vương cho quân lính đến dinh Phúc Trung bắt hết người nhà xét hỏi. Phúc Trung không chối cãi được, phải cung khai sự thực. Tội mưu lật đổ là tội chết nhưng nghĩ tình chú cháu, Hiền Vương không nỡ giết, ra lệnh tống giam Phúc Trung vào ngục. Còn Tống Thị, tang vật đã rõ ràng không thể chạy chữa gì nữa, bị chém và bêu đầu giữa chợ. Theo lệnh Chúa, tịch thu gia sản to lớn của Tống Thị phân phát cho quân, dân trong vùng.

Có người lấy được danh sách những người dự mưu làm phản trong nhà Tống Thị đem dâng lên chúa Hiền. Nhưng thay vì khai thác để thanh trừng, Hiền Vương đã ra lệnh đốt đi để mọi người yên tâm đối công chuộc tội...

Nhờ sự cương quyết và sáng suốt của Hiền Vương mà cái họa nữ sắc được trừ diệt.

(Theo lịch sử xứ Đàng Trong, Tiên nguyên toát yếu phổ và Đại Nam Thực lục tiền biên)

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 5 -

PHONG TÌNH CỔ LỤC

Hiền Vương là một ông chúa có tài quân sự, đêm ngày để tâm lo toan những việc ích nước lợi dân, không chuộng yến tiệc, vui chơi. Bỗng... vào tháng tư năm Nhâm Thìn (1652) xuất hiện giữa đám ca nhi trong vương phủ chúa Nguyễn một áng “đào kiếm” thanh quý, lộng lẫy mười phân vẹn mười! Nhan sắc ấy đã làm phai nhạt, lu mờ tất cả những vẻ thanh tân, tứ lệ của đám phi tần đã dày công trau chuốt sắc tài... Đóa hoa diễm lệ đó là nàng Đào Thừa – sinh trưởng ở đất Nghệ An, nàng vừa có nhan sắc, vừa nét na đúng mực trăm anh, cành vàng lá ngọc, lại thêm biệt tài đàn ngọt hát hay!

Nhan sắc, tài hoa cùng với ma lực của sóng mắt khuynh thành, nàng Thừa đã chinh phục được trái tim cứng rắn của Hiền Vương.

Từ khi có nàng, Hiền Vương dẫn thân vào giữa cỏi mịt mờ của đám mê vân sắc dục, trời đất ngả nghiêng mọi việc quốc quân trọng yếu suốt tuần suốt tháng Chúa chẳng màng để ý tới...

Dưới trướng Hiền Vương, nhiều người có tài kinh luân, có nghĩa khí đã từng vào sinh ra tử với Chúa từ lúc còn là thế tử, trước sa ngã của Hiền Vương, họ đã mạnh dạn đứng ra can gián.

Chương dinh Nguyễn Cửu Kiều – chồng bà Ngọc Đình, con gái chúa Sãi, bà là bà cô của Hiền Vương – một hôm đã vào thẳng thắn vạch rõ cho Hiền Vương thấy cái họa nữ sắc như thế nào và khẩn cầu Chúa sớm xa lìa con đường sắc dục, hãy rút lại tắc lòng súng ái đã dành cho ả ca nhi xứ Nghệ... Hiền Vương cả giận mắng rằng:

- Ta đã từng nằm gai nếm mật để bảo vệ cơ đồ, nay giống nòi đã vững vàng, trăm họ đã an lạc, há ta chẳng có quyền được cung dưỡng bằng cái vui thanh sắc, yến ẩm hay sao ?

Tiếng nói của chính khí không chịu im, Nguyễn Cửu Kiều vẫn chấp tay, điềm tĩnh tâu:

- Thần vẫn biết chúa Thượng có quyền, nhưng không được buông lung theo sở thích, mê đắm trong tử sắc đến độ lãng quên trọng trách trị quốc, an dân. Cổ kim những người đắm mê sắc dục chưa ai tránh được cái họa nghiêng đổ giềng mối. Hiện nay, quân Trịnh tuy bị thảm bại nhưng vẫn chưa bỏ âm mưu thôn tính đất Thuận Quảng, Gương Oai Mục đế và Tương Dực đế đâu đã phai nhòa mai một... Chúa Thượng há sớm quên sao!

Hiền Vương hơi chau mày suy nghĩ, Cửu Kiều vội lui ra. Đêm hôm ấy, không biết vô tình hay hữu ý, có người nào đặt lên án thư của Vương một cuốn “quốc ngữ”. Trong lúc băng khuâng tư lự, thoáng thấy cuốn sách, Hiền Vương giờ ra đọc...

Hiền Vương rất chăm chú đọc truyện vua nước Ngô yêu nàng Tây Thi: “Vua nước Việt là Câu Tiễn đánh nhau với nước Ngô, bị thua. Được Phạm Lãi bày mưu, Câu Tiễn dùng kế mỹ nhân dâng người đẹp Tây Thi cho vua Ngô là Phù Sai. Phù Sai mê nàng Tây Thi quên cả quốc sự, thừa cơ Câu Tiễn đem quân đánh, quân nước Ngô đại bại. Sau khi thắng được Ngô, Phạm Lãi rước Tây Thi về dong chơi vùng Ngũ Hồ rồi mới mất”. Đọc xong, Hiền Vương giật mình, bàng hoàng: Ôi! Phải chăng nàng Thừa là Tây Thi của chúa Trịnh đưa từ Nghệ An vào để mê hoặc ta?

Lầu khuya tựa cửa, nhìn về phương Nam, núi Bằng Sơn thấp thoáng, Hiền Vương trầm ngâm tư lự... Đột nhiên ông thở dài, nói một mình, giọng cương quyết:

- Chính người đã can gián ta mới có đủ bản lĩnh để thi hành ý định của ta...

Sáng hôm sau, nàng Thừa, người đẹp sủng ái của Chúa, vâng theo mỹ ý của Hiền Vương mang đến tư thất Nguyễn Cửu Kiều một bộ triều phục mới tinh... Nàng Thừa không làm sao biết được những gì đang diễn biến trong thâm tâm vị chúa tuổi trẻ tài cao đã từng nâng niu âu yếm ấy, được lệnh là nàng ngoan

ngoãn vâng theo...

Nàng Thừa đem bộ triều phục đến nhà Chương dinh Nguyễn Cửu Kiều, rồi chẳng ai còn thấy nàng trở lại Vương phủ với Hiền Vương nữa. Vì chính nàng cũng không biết được trong tay áo của bộ triều phục mới có bức mật thư ủy thác cho Cửu Kiều: kết liễu đời nàng Thừa để tránh cho non nước xứ Đàng trong cái họa Tây Thi!

Phải chăng Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần sáng suốt hơn Ngô Phù Sai? Hay vì không đủ nghị lực để kiềm chế dục vọng, lòng ích kỷ thấp hèn nên đã mượn tay của ông dưỡng trung quân giết hại một ca nhi vô tội?

Lịch sử đã ca ngợi Hiền Vương, mãi đến nay chưa thấy dòng nào nhắc đến hành vi bất nhân này. Một hành vi thâm độc nơi một vị chúa mệnh danh là “Hiền”, thật đáng tiếc.

(Theo Thực lục tiền biên – Phủ biên tạp lục và Mộng Kinh sư)

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 6 -

MỘT VỤ LOẠN LUÂN

Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát là người có công xây dựng Đô thành Phú Xuân vào giữa thế kỷ XVIII, đồng thời cũng là người gây nhân đưa dân sự nghiệp của các chúa Nguyễn xuống vực thẳm. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thảm họa đó là vụ loạn luân giữa Nguyễn Phúc Khoát với một bà công nữ.

Sử chép: Võ Vương có một người cậu ruột là ngoại tử Trương Phúc Loan. Được Võ Vương tin cậy, trao cho rất nhiều quyền binh, nhưng Loan vẫn chưa vừa lòng. Vốn là một tay gian hùng, tham lam, tàn nhẫn và thủ đoạn, Loan có thể làm bất cứ điều gian ác nào để có thêm quyền hành và của cải.

Hành vi thâm độc nhất của Loan là đẩy đưa cháu mình đang ở ngôi vương (Võ Vương) vào vòng loạn luân.

Cô em con chú của Võ Vương là công nữ Ngọc Cầu (ái nữ của Nguyễn Phúc Điền) có nhan sắc kiều diễm trang đài của một giáng tiên. Biết Vương là người hiếu sắc, Loan tìm cách tạo điều kiện cho Ngọc Cầu thường xuyên ra vào trong Vương phủ và gần gũi Vương...

Một bên là trai đa tình, nịnh sắc, một bên là gái ngọc đã yêu kiều, thanh tân, lại bay bướm phơi phới xuân tình... như hang tối khao khát ánh dương thì cái thể “lửa gần rơm” chẳng mấy lúc sẽ cháy bùng ngọn lửa yêu đương và thiêu rụi cả luân thường đạo lý. Suốt ngày thâu đêm trong cung Trường Lạc “anh em” qua hương trà, men rượu, khước mắt, nụ cười... mãi mê hoan lạc không còn biết trời trăng. Kết quả của những lần lẩn lóc ái ân vụng trộm, bà Ngọc Cầu đã mang thai với ông anh đồng đường và sinh ra một công tử. Loạn luân! Đối với bá tánh thì tội phải ném đá, hành hạ... nhưng tại Vương phủ này thì lại được xem như chuyện bình thường! Và Công nữ Ngọc Cầu nghiêm nhiên trở thành một cung phi được sủng ái bậc nhất trong phạm vi tả hữu hành lang. Anh em của Ngọc Cầu đều được Vương trọng dụng ban quyền cao, lộc hậu: Nguyễn Phúc Viêm (anh bà) làm Chương thủy cơ, Nguyễn Phúc Nghiêm (em Viêm) giữ chức Nội hữu, Chương dinh quản Bộ Lại, Bộ Binh, lãnh Tả phủ Chương phủ sự dinh

Quảng Nam. Hai anh em Viêm – Nghiêm là hạng người tầm thường. Viêm lười biếng, chỉ biết rượu chè, Nghiêm xa hoa, hiếu sắc, hậu phòng có tới trăm người, quanh năm chỉ biết rượu và gái đẹp.

Công tử con của Võ Vương với Ngọc Cầu đặt tên là Nguyễn Phúc Thuần. Mặc dù được cậu che chở, nhưng Võ Vương không thoát khỏi mặc cảm loạn luân, vì vậy Vương đã cho nuôi nấng Thuần một cách lén lút ở hậu cung và dĩ nhiên Thuần không được lập làm kế tử như mong muốn của Ngọc Cầu.

Nguyễn Phúc Thuần không được lập làm kế tử vì kết quả của một cuộc hoan lạc bất chính, hơn nữa, theo quy định Vương phủ việc lập kế tử đã được chọn lựa và đã quyết định rồi.

Theo nguyên tắc công tử Chương (con cả Võ Vương) là kế tử. Chẳng may, Chương thọ bệnh đã thất lạc, con của Chương còn quá nhỏ nên Võ Vương chọn người thứ hai là Nguyễn Phúc Luân (tức là hoàng khảo của vua Gia Long sau này) làm kế tử.

Để Luân có thể kế nghiệp chúa một cách vẻ vang, Võ Vương đã mời hai vị có tài năng và đức độ đến dạy dỗ. Đó là Nội hữu Cai cơ Trương Văn Hạnh (được phong làm Thái phó) và Thị giảng Lê Cao Kỳ. Việc mời hai ông Trương và Lê lo vấn đề giáo huấn cho kế tử được các triều thần đứng đắn vui mừng thì lại làm cho Ngoại tả Trương Phúc Loan lo ngại.

Hai vị huấn đạo Trương – Lê càng cố công trong đào tạo Nguyễn Phúc Luân bao nhiêu thì càng làm trở ngại cho việc “phò ấu chúa” trong tay bà Ngọc Cầu của Trương Phúc Loan bấy nhiêu. Do đó, trong tâm trí đen tối của Loan nảy ra ý đồ hãm hại những bậc trung thần này.

Ngày Võ Vương mất, Nguyễn Phúc Thuần mới mười hai tuổi. Lúc đó ai cũng tưởng là đệ nhị công tử Nguyễn Phúc Luân, đương kim kế tử sẽ lên kế ngôi vương, không ngờ trong nội cung đang có âm mưu khác.

Ngoại tả Trương Phúc Loan cùng thái giám Chử Đức và Chương dính Nguyễn Cửu Thống mật bàn việc giành ngôi cho công tử thứ 16 là Nguyễn Phúc Thuần

(còn có tên là Hân). Vì lẽ Thuần có giữ được ngôi chân chủ thì Loan mới thực hiện được ý muốn của mình. Từ tham vọng quyền uy, một kế hoạch đen tối được tiến hành...

Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh được mời vào Di Nhiên đường bàn việc cơ mật đã bị giết ngay trong ấy. Thị giảng Lê Cao Kỳ bị một thích khách đâm chết ngay bên án thư nhà mình. Thái Giám Chử Đức thân hành đem quan lính lên Dương Xuân bắt kẻ tử Nguyễn Phúc Luân tổng ngục... Tất cả thân thích của ba người trên đều bị lùng bắt và tổng ngục. Chỉ còn ông giáo Hiến là bạn tâm phúc của Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh chạy thoát được (sau này ông là người cộng sự đắc lực của Nguyễn Huệ).

Từ một cuộc loạn luân dẫn đến một hành động toán đoạt chuyên quyền giẫm lên xác của ba nhân vật quan trọng của quốc gia. Tội ác đẫm máu ấy đã bắt đầu trang sử về sự sụp đổ của triều đại các chúa Nguyễn ở xứ Đàng trong.

(Viết theo Mộng Kinh sư và Gia phả triều Nguyễn)

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 7 -

BÀ VẢI VÂN DƯƠNG

Chúa Nguyễn Phúc Khoát (Võ Vương) có 18 con trai và 12 con gái. Người con gái trưởng phương danh là Ngọc Huyền, nổi tiếng nhất trong các hoạt động giúp nhà Nguyễn. Mẹ bà người họ Tống, bà hạ giá cho quan Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống.

Năm Giáp Ngọ (1774), Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ Phúc vào đánh Phú Xuân, ông Thống chết, bà rất đau buồn bèn cạo đầu đi tu ở Vân Dương. Vì thế người ta gọi bà là bà vải Vân Dương.

Hơn mười năm sau, quân Tây Sơn giải phóng Phú Xuân khỏi tay quân Trịnh (1786), lăng tẩm của dòng họ Nguyễn bị quật phá tan tành, bà rất đau xót. Từ đó bà nuôi chí chống lại Tây Sơn. Bà sai người con rể là Nguyễn Đức Tuấn đi khuyến dụ nhân dân tìm mọi cách bảo vệ các tôn lăng. Nguyễn Đức Tuấn, người làng Cư Chánh đã làm theo lời bà và đã thành công trong việc giữ gìn được một phần hài cốt của Nguyễn Phúc Luân (thân sinh Nguyễn Ánh) để sau này lập công với Gia Long.

Năm Tân Hợi (1791) bà cử người đi thuyền vào Gia Định tâu cho Nguyễn Ánh biết sự động tĩnh và binh lương của Tây Sơn ở Phú Xuân, đồng thời dâng lên một tập Hoài Nam Ca khúc của Hoàng Quang (người xã Thái Dương) sáng tác, nội dung cho Ánh biết lòng dân vẫn còn có người hướng về dòng họ Nguyễn. Được tin ấy Ánh rất vui mừng, cử ngay người về Phú Xuân, ẩn trú trong nhà bà để hoạt động... Đức Tuấn được giao tiền bạc đi chiêu dụ dân chúng, nhất là binh tướng của Tây Sơn. Nguyễn Ánh còn giao cho bà nhiều giấy tờ không chỉ có dấu triện của Nguyễn Vương (tức Nguyễn Ánh) để bà tùy cơ điền tả vào mà ban cấp.

Việc làm của bà không may tiết lộ ra ngoài. Quân Tây Sơn đến vây nhà. Lúc

ấy người của Ánh đi vắng, không bắt được ai, quân Tây Sơn lấy một ít của cải của bà rồi rút đi.

Năm Đinh Tỵ (1797), quan bộ binh của Tây Sơn là Nguyễn Đại Phát đi trấn thành Qui Nhơn, bà dò biết ông Phát đã mệt mỏi với nhà Tây Sơn, liền sai Đức Tuấn đi theo tiễn chân. Đến đoạn đường vắng, Đức Tuấn đọc cho ông Phát nghe một câu của ông Khoái Triệt ngày xưa:

- “Thời hồ thời hồ bất tái lai”.
(Thời gian và cơ hội không trở lại lần thứ hai)

Hiếu ý, ông Phát “ngúc đầu” một cái rồi hai bên bái biệt nhau. Về sau ông Đại Phát theo Nguyễn Ánh.

Ông Lê Chất, người quê Phù Mỹ (Qui Nhơn) là một đô đốc có tài của Tây Sơn. Khi nội bộ nhà Tây Sơn rối loạn, ông lấy làm buồn, giả vờ chết rồi trốn lên ẩn tại núi Trà Đồng (!). Biết chuyện bà Ngọc Huyền sai người đến khuyến dụ, Lê Chất về đầu Nguyễn Ánh và sau trở thành công thần Nhà Nguyễn được phong tước quận công.

Năm Canh Thân (1800) quân Tây Sơn tập trung vây thành Qui Nhơn, thành Phú Xuân bỏ trống. Bà Huyền cho người khảo sát tình hình, vẽ bản đồ chỉ thị hình thể cửa biển Tư Dung (tức Tư Hiền) và cửa Eo (tức Thuận An) giao ông Phạm Hữu Tâm theo đường núi vào tìm nơi đóng quân của Nguyễn Ánh, giao tận tay cho Ánh. Do tin tức của bà Huyền nên Nguyễn Ánh mới có ý định đánh Phú Xuân trước khi giải vây thành Qui Nhơn.

Như trên đã tường thuật, quan bộ binh của Tây Sơn là Nguyễn Đại Phát, qua sự vận động khéo léo của người nhà Ngọc Huyền, đã ngầm theo Nguyễn Ánh, cho nên khi vào trấn thành Qui Nhơn, bề ngoài ông là quan Tây Sơn nhưng trong lòng thì đã nghĩ đến chuyện khác... Biết rõ thâm tâm của ông, bà Ngọc Huyền nhờ Đoàn Văn Cát khiến chị của Đại Phát cảm sắc chỉ của Nguyễn Vương vào Qui Nhơn dụ Phát đầu thú quân Nguyễn. Nhận được sắc chỉ, Đại Phát cùng với

Tổng quân Lê Văn Thanh xin nạp thành Qui Nhơn.

Bà Ngọc Huyền là tai mắt của Nguyễn Ánh tại Phú Xuân, bà đã lập nhiều công lớn đối với người sáng lập ra triều Nguyễn.

Khi khôi phục được Phú Xuân, Nguyễn Ánh đã cho rước bà đến ngay thuyền Ngự, hai cô cháu ôm nhau khóc nước nỡ.

Bà được Nguyễn Ánh trọng thưởng. sau khi lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, Nguyễn Ánh vẫn thường lui tới thăm phủ của bà ở Vân Dương. Đến năm Gia Long thứ VIII, bà mất, thọ 72 tuổi, an táng tại làng Dương Xuân.

Lai lịch và hành tung của bà Ngọc Huyền góp một ít tư liệu lịch sử cho việc nghiên cứu sự suy tàn của nhà Tây Sơn.

(Viết theo Tiên Nguyên Loát Yếu Phổ)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 8 -

CON VUA MÀ LẤY HAI CHỒNG LÀM VUA

Sau 26 năm lưu lạc, ngày 15 tháng 6 năm 1801, được sự trợ chiến của đại bác và tàu đồng của phương Tây, Nguyễn Ánh đã trở lại đô thành Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh lúc này đã bỏ ngai vàng, ấn tín, sắc phong (của Nhà Thanh) chạy ra miền Bắc bằng đường núi với hai ngàn lính và 60 thớt voi. Người vợ trẻ của ông là công chúa Ngọc Bình cùng một số cung nữ không kịp theo vua đều sa vào vòng tay của quan quân Nguyễn Ánh. Cơn ác mộng đầu tiên phủ ngay lên bà Ngọc Bình.

Ngồi ẩn mình trong cung, bà Ngọc Bình nghe có tiếng chân người đi về phía mình. Nhìn kỹ bà thấy một người đàn ông trắng kiện uy nghi sừng sững trước mặt và cúi chào một cách lịch sự. Bà thảng thốt kêu:

- Đây tướng quân Gia Định, người muốn gì ở ta?

Người được gọi là “tướng quân Gia Định” (tức Nguyễn Ánh, tiến quân từ Gia Định ra) cười và đáp:

- Không can chi đâu, bà đừng sợ. Tướng Gia Định cũng là người và có lẽ sẽ nhân từ hơn tướng Tây Sơn...

Bà Bình lặng thinh. Vị tướng Gia Định nói tiếp một cách bóng bẩy:

- Dù triều đại có đổi thay như thế nào đi nữa thì cung điện này cũng vẫn là của bà.

Bà Bình đã lấy lại bình tĩnh, đáp một cách cương quyết:

- Nhưng thưa tướng quân, đối với chúng tôi, cung điện này chỉ còn là một nhà tù.

Nói xong bà ôm mặt mà khóc. Nét mặt bà càng khổ đau càng quẩn rũ làm cho vị tướng “Gia Định” mềm lòng say đắm. Chung quanh bà tỏa ra một mùi hương khêu gợi khiến vị “tướng Gia Định” dù đã từng trải da thịt mỹ nhân cũng cảm thấy lạ đến ngây ngất... Vị tướng gượng giọng cố giữ bình tĩnh để an ủi người đẹp rồi nén lòng lui ra...

Bà Ngọc Bình ở lại nội cung với nỗi sợ hãi khôn lường.

Một khoảnh khắc không lâu, vị “tướng Gia Định” trở lại nội cung với trang phục uy nghi, vương hiệu lóng lánh trên ngực áo... Bà Ngọc Bình nhận ra ngay đó là Nguyễn Vương, người cừu địch của nhà Tây Sơn. Nỗi sợ hãi càng tăng thêm, bà ôm mặt kêu rú lên... Nguyễn Vương đến gần bên nhẹ nhàng vỗ về:

- Bà là một hoàng hậu tuyệt vời! Mặc dù có những đổi thay lịch sử, nhưng nước Nam vẫn y nguyên như cũ. Xin hãy khuây khỏa, dẹp mọi sợ hãi, ưu phiền. Cung điện lâu đài này vẫn thuộc về bà!

Biết không thể nào ngăn được ước muốn của Nguyễn Vương, bà Ngọc Bình (em của Ngọc Hân Công chúa) đành phải xuôi theo số phận...

Năm 1802, Nguyễn Vương lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, bà Ngọc Bình đứng trong hàng thứ phi.

Phải chăng là trò chơi định mệnh? Nguyễn Huệ Quang Trung, chồng Ngọc Hân Công chúa, Nguyễn Ánh Gia Long, lấy bà Ngọc Bình, hai kẻ cừu địch không đội trời chung ấy lại trở thành anh em “cột chèo”! Về phần công chúa út của Vua Lê, bà Ngọc Bình lấy hai đời chồng đều làm vua (Cảnh Thịnh và Gia Long). Do đó, dân gian có câu hát:

“Số đâu có số lạ lùng!

Con vua mà lấy hai chồng làm vua”

Bà Ngọc Bình làm thứ phi của Gia Long sanh hạ được hai trai là Quảng Oai Công (20-5-1809) và Thường Tín quận vương (20-10-1810).

(Viết theo gia phả họ Nguyễn tài liệu của Việt Thường và Bửu Kế)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 9 -

THOI VÀNG CHIA ĐÔI Ở ĐIỆN PHỤNG TIÊN

Điện Phụng Tiên – tọa lạc trong Hoàng thành Huế, đứng trước Cung Diên Thọ và phía sau Thế Miếu- là nơi thờ kính bốn đời đế và hậu đầu triều Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Theo nghi lễ, các bà trong cung không được đến miếu, do đó nhà Nguyễn làm ngôi biệt miếu này để tuế thời sóc vọng và những ngày khánh tiết các bà có nơi đứng tiến và dâng lễ tế trong buổi kỵ.

Tại Điện này, trước đây trên án thờ vua Gia Long và bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu có đặt một thoi vàng gồm hai phần bằng nhau trên khắc dòng chữ “Thế tổ đế hậu, Quý Mão bá thiên thời tín vật” (Vật làm tin này của hai ngài Đế và Hậu Thế tổ trong buổi đời đổi nhiều nơi cách trở nhau năm Quý Mão (1783).

Sách Đại Nam Chính biên liệt truyện, sơ tập ghi lại sự tích thoi vàng hai mảnh ấy như sau:

Bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu, họ Tống. Năm lên 18, Nguyễn Ánh đã cưới bà với đầy đủ nghi lễ truyền thống và tấn phong làm Nguyên Phi. Tính tình cẩn trọng, cử chỉ đoan trang nên bà được Nguyễn Ánh quý trọng. Bà sinh được hai trai. Người con đầu mất sớm, người thứ hai là hoàng tử Cảnh.

Mùa thu năm 1783, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh, phải bỏ Gia Định chạy ra đảo Phú Quốc. Sau đó Nguyễn Ánh phải gọi hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện còn bản thân bôn tẩu sang Xiêm (Thái Lan bây giờ). Trước giờ chia tay, Nguyễn Ánh vội lấy một thoi vàng chặt đôi ra, trao cho bà Nguyên Phi một nửa và căn dặn rằng:

- Con ta đã đi rồi, còn ta cũng sắp chia tay để chạy sang Xiêm. Vậy Phi nên ở lại đây (Phú Quốc) để cung phụng Quốc Mẫu (tức bà Hiếu Khương vợ của Nguyễn Phúc Luân), chưa biết ngày hậu hội là ngày nào và sẽ tại nơi đâu. Vậy ta để lại vật này (nửa thoi vàng) dùng làm của tin lúc tái ngộ!

Trong những ngày Nguyễn Ánh ngược xuôi đi cầu viện, đánh rồi lại thua, thua rồi lại đánh... bôn tẩu hết Xiêm đến Việt, khi Việt cùng đường lại chạy sang Xiêm, thì bà Nguyễn Phi vẫn một mình hết lòng hầu hạ mẹ chồng. Nhiều lúc tính mạng hiểm nguy ngàn cân treo sợi tóc, bà vẫn bình tĩnh vượt qua. Ngoài việc hầu hạ mẹ già, bà Nguyễn Phi còn thân hành may dệt nhưng phục cho quân binh. Cũng có lần quân Nguyễn giáp trận với quân Tây Sơn, thế đối phương mạnh hơn, quân Nguyễn núng thế. Thấy vậy bà đã tự tay nổi trống thúc quân làm cho binh lính Nguyễn hăng hái xông lên và cuối cùng đã thắng lợi...

Sau ngày triều Nguyễn được thành lập, vua Gia Long hỏi bà chuyện thỏi vàng năm xưa... Bà ung dung đem vàng ra trình lên. Gia Long vô cùng cảm động, cầm lấy nửa thỏi vàng và bảo rằng:

- Vàng này mà còn giữ được, đó thật là ân trời đã giúp cho trong lúc gian nan, chẳng nên quên lãng. Vậy phải để dành về sau cho con cháu biết.

Dứt lời, vua lấy nửa thỏi vàng của mình ráp với nửa thỏi vàng của bà Nguyễn Phi (lúc đó đã được phong hoàng hậu) rồi trao hết cho bà.

Hoàng hậu vâng theo lời dụ, về sau trao lại cho vua Minh Mạng.

Khi Minh Mạng lên ngôi, ông liền đem thỏi vàng hai mảnh ấy đưa cho hai vị đại thần Phạm Đăng Hưng và Nguyễn Hữu Thận xem và phán rằng:

- Vàng này là của tin mà đức Thế tổ đã trao cho Hoàng tử (tức Thừa Thiên Cao Hoàng hậu), nay Hoàng tử lại trao cho Trẫm.

Sau đó thỏi vàng hai mảnh tín vật này được đưa vào thờ ở Điện Phụng Tiên.

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 10 -

TÂM SỰ VUA GIA LONG VỀ CHỖN NỘI CUNG

Vua Gia Long là người can trường, táo bạo. Ông đã từng đánh đông dẹp bắc, nằm gai nếm mật suốt mấy mươi năm dài mới gây dựng lại được cơ nghiệp nhà Nguyễn, thu tóm quyền lực cả nước trong tay mình. Với một người như thế tưởng chừng như trên cõi trời Nam lúc ấy không thể có một mãnh lực nào dám đi ngược lại ý muốn của ông. Thế nhưng... ai có thể ngờ được trong chốn nội cung đã xảy ra những chuyện thật rối rắm.

Chính vua Gia Long, ông chủ nhân đầy quyền lực của chốn thâm cung ấy đã lắc đầu tâm sự với một triều thần gốc người Pháp là J.B.Chaigneau (Se-nhô) như sau: “Trị nước thật dễ dàng, không khó nhọc bằng trị chốn nội cung của mình”.

Trong một cuộc gặp gỡ riêng, nhà vua nói với Se-nhô: “Ông tưởng rằng sau khi bãi triều, và thanh toán xong mọi việc chính trị và hành chính trong ngày là công việc tôi đã xong và thế là tôi có thể nghỉ ngơi trong hậu cung sao? Ông lầm đó. Ông không thể tưởng cái gì đang chờ tôi ở đây (vua chỉ về phía hậu cung) sau khi tôi ra khỏi nơi này. Ở đây, tôi thích thú vì được nói chuyện với những người hiểu biết, người biết nghe, hiểu tôi và nếu cần vâng lời tôi! Vào trong ấy, tôi gặp phải những con quỷ dữ. Chúng gây gỗ, đánh đập nhau, cấu xé nhau... rồi sau cùng kéo nhau đến đòi tôi phân xử. Nếu làm đúng thì tôi phải trị tội cả bọn, vì không biết rõ trong cả bọn ấy có đứa nào không độc ác bằng mấy đứa nào!”

Sau một hồi im lặng, Gia L

ong nói tiếp: “Này đây, một chốc nữa, tôi sẽ phải đứng giữa một bầy quỷ cái, chúng nó sẽ gào thét làm tôi điếc cả tai”. Nhà vua giả giọng một người đàn bà đang cơn giận giữ: “Xin Ngài xét cho, xin Ngài xét cho! Con ấy nó chửi tui, nó xài xể tui, xin Ngài xét cho!”. Một tá khác, lát nữa sẽ đến rỉ vào tai tôi: “Hoàng đế bỏ tui, con kia được lòng Hoàng đế, tui đòi xin phần tui!”.

Bỗng nhà vua cười ha hả, rồi nhìn vào kẻ đối thoại với mình như để hỏi một ý kiến. Ông quan người Pháp, trước đó đã cười nôn ruột về cái điệu bộ đóng trò của vua và tiếng hét của nhà vua nhại lại sự lồng lộn của các bà vợ, liền nói:

- Tâu, Hoàng đế không phải khó nhọc để đỡ bớt sự phiền hà của mình bằng cách hạn chế số cung phi?

- Xuyt! – Vua ngắt lời – Ông hãy nói nho nhỏ, hãy nói nho nhỏ.

Rồi vua truyền cho bọn quân hầu và thị vệ lui ra, đoạn nói tiếp: “Này, ông S... (C...) ơi, nếu các quan đồng triều mà nghe được những lời ông vừa nói đó, thì họ sẽ trở thành kẻ thù của ông ngay. Thì ra ông không biết, vua nói tiếp, rằng các phi, tần hầu hết đều là con gái các quan sao? Đây này, cách nay không lâu, một ông đòi dâng con gái cho tôi, mặc dầu tuổi tác của tôi, tôi đã không thể từ chối, vì nếu làm như vậy thì tôi sẽ làm cho ông ta tức giận vô cùng. Ở đây, là một vinh dự khi một ông quan có được một cô con gái tiến vào nội cung và đối với tôi, đó là một bảo đảm về lòng trung thành của ông ta. Tôi muốn có sự êm thấm với mọi người, nhất là với đàn bà, vì họ đáng sợ hơn đàn ông! Nếu tôi bỏ bê một nàng, cô ta sẽ lập tức phàn nàn với cha mình, và ông này, nếu không nguyên rủa sự già yếu của tôi, thì cũng sẽ tìm cách gieo rắc một cách khéo léo giữa các bạn đồng liêu những tiếng xì xào làm cho tôi trở thành trò cười trước mắt dân chúng”.

Ngoài hai bà hậu là Thừa Thiên (mẹ hoàng tử Cảnh) và Thuận Thiên (mẹ vua Minh Mạng), vua Gia Long còn sắc phong cho bà Lê Thị Ngọc Bình (con vua Hiến Tông và là em Ngọc Hân công chúa) làm đệ Tam cung.

Vua Gia Long có tất cả 13 người con trai và 18 người con gái, không kể năm người con trai là Chiêu, Xương, Khải, Đại, Nhật đã chết sớm.

Nếu so với các vua Minh Mạng và Thiệu Trị thì Gia Long là ông vua có số con ít nhất.

(Viết theo Đức Chaigneau Souvenirs de Huế - 1864 và R.Orband, Les Tombeaux des Nguyễn, 1914)

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 11 -

TRÁCH NHIỆM CỦA CON

Vua Gia Long có một người chị cùng cha khác mẹ là bà Ngọc Du. Năm 1788, bà Ngọc Du hạ giá cho Võ Tánh, ông này làm quan đến Hữu Quân. Năm Tánh tuần tiết ở Qui Nhơn (1801) đã có với bà một người con trai là Võ Khánh và hai người con gái. Sau ngày khắc phục được cựu kinh, Gia Long đã xây phủ đệ cho bà tại làng Xuân Hòa để bà an dưỡng tuổi già.

Bà Ngọc Du là thái trưởng công chúa, chồng là Võ Tánh có võ công oanh liệt, em là vua Thế Tổ đang trị vì, trong xã hội ít người có thể như bà. Bởi thế khi về già tính tình bà rất khó chịu, bà xem thường tính mạng, của cải của nhân dân. Người ở chung quanh phủ đệ của bà kêu trời không thấu. Tính tình của bà dần dần ảnh hưởng đến bọn giúp việc trong nhà. Bọn này lợi dụng thế lực của bà ra đường ức hiếp nhân dân. Nhiều người bị oan ức quá liều mình đến phủ kiện với bà, bà ngoảnh mặt làm thinh. Bọn giúp việc được bà che chở ngày càng làm già.

Đến thời vua Thánh Tổ trị vì (1820), chuyện người trong phủ đệ bà Ngọc Du hiếp đáp dân chúng đến tai vua. Vua Thánh Tổ nổi giận bèn gọi con trai của bà là Kinh Xa Đô úy Võ Khánh đến trách rằng:

- Nước có điển hình (luật pháp), sao người không khuyên răn mẹ để cho mẹ làm những điều ác đức?

Võ Khánh sợ hãi thưa rằng:

- Nhờ phép nước can ngăn, chứ con không thể khuyên can được mẹ?

Vua bảo rằng:

- Mẹ ngươi tuy là Thái trưởng công chúa, nhưng sinh ra lớn lên trong thời chinh chiến không được học hành, khi giang sơn được khắc phục thì đã lớn tuổi, lại góa bụa làm sao học được nữa. Ngươi là người có ăn học, được dạy dỗ lại làm đến khinh xa đô úy, điển lễ nằm trong tay tại sao người không khuyên can mẹ để cho mẹ làm càn quấy phải chịu tiếng xấu với thần dân? Làm con thờ cha mẹ phải nên lấy lời nói dịu dàng can ngăn ở lúc việc chớm phát, để cho cha

mẹ đừng mắc vào điều phi nghĩa, người không làm thế thì những sai lầm của mẹ nhà người phải chịu trách nhiệm!

Võ Khánh cúi đầu nhận lỗi.

Về nhà Khánh kể lại chuyện bị quở phạt với mẹ, thái trưởng công chúa Ngọc Du nghe chuyện rồi khóc. Từ đó bà thay đổi cách đối xử với dân. Nhân dân Xuân Hòa lấy làm mừng.

Thường tình chỉ nghe chuyện mẹ dạy con, còn chuyện con phải khuyên răn mẹ có lẽ xưa nay hiếm.

(theo ĐNLT, ĐNLT và sách Võ Tánh của Hồ Văn Trung)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 12 -

CHỨC TƯỚC CỦA CÁC BÀ TRONG CUNG NGUYỄN

Nhiều người nói và viết về các bà vợ vua Việt Nam dưới triều Nguyễn, nhưng chưa có một công trình nghiên cứu nào chính thức công bố cho biết các vua Nguyễn có bao nhiêu vợ, đẳng cấp phẩm tước như thế nào? Ở Trung Quốc, các đời đế vương thường lập sáu cung thành hai dãy: một cung ở phía trước, năm cung ở phía sau. Bà chính ở riêng một cung, ba bà phu nhân ở một cung, chín bà Tân ở một cung, hai mươi bảy bà Thế phụ ở một cung, tám mươi một người ở một cung, cả thảy 121 bà đều là vợ vua (Theo “Từ Dũ Hoàng Thái Hậu”, Nguyễn Liên Phong, 1913, trg 17).

Tại Việt Nam, từ triều Minh Mạng, các bà trong cung cũng được sắp xếp theo cửu giai giống như cửu phẩm trong ngạch quan lại.

Nhất giai Phi

Nhị giai Phi

Tam giai Tân

Tứ giai Tân

Ngũ giai Tiếp Dư

Lục giai Tiếp Dư

Thất giai Quý Nhân

Bát giai Mỹ Nhân

Cửu giai Tài Nhân

Dưới Tài Nhân là Tài Nhân vị nhập giai (những người đang chờ đợi được tuyển vào làm Tài Nhân), dưới nữa là cung nga, thể nữ (tức là kẻ hầu người hạ) gọi chung là cung nhân.

Đứng đầu các bà Phi là Hoàng Quý Phi (tức vợ chính của vua). Nhà Nguyễn (trừ triều Gia Long và Bảo Đại) không lập Hoàng Hậu, các bà phi chỉ được truy phong hoàng hậu lúc chết.

Cách xưng hô các bậc từ Tiếp Dư trở lên gọi bằng “bà”, từ Quý Nhân trở xuống chỉ được gọi bằng “chị”.

Chỗ ở của các bà vợ vua đều tập trung trong Tử-Cấm-Thành, các cung, viện của các bà thường được gọi chung là Tam Cung Lục Viện.

Theo cách trình bày ấy, những chỗ ở của các bà vợ các đời vua triều Nguyễn có một vài điểm hơi khác. Căn cứ trên thực tế, các cung, các viện dành cho các bà vợ vua trong Tử Cấm Thành, ta thấy có:

- Cung Khôn Thái là một cụm kiến trúc làm từ đầu triều Gia Long (1804), có điện Quang Minh Trung Chính ở phía sau điện Càn Thành (chỗ vua ở) cách một cái sân. Bà Hoàng Quý Phi ở đây.

- Bên phải cái sân nằm ngăn giữa điện Càn Chánh và điện Càn Thành có điện Trinh Minh xây năm 1810 (thời Gia Long) nơi ở của các bà nhất và nhị giai Phi; các bà Tân (tam và tứ giai Tân) ở viện Thuận Huy, tọa lạc phía tây của sân sau điện Càn Thành. Các bà Tiếp Dư (ngũ giai và lục giai Tiếp dư ở viện Đoan Huy) ngay phía tây điện Cao Minh Trung Chính của cung Khôn Thái. Viện này xây năm 1827 đời Minh Mạng. Các bà thuộc hạng Thất giai Quý Nhân, Bát giai Mỹ Nhân, Cửu giai Tài Nhân, các bà chưa nhập giai cùng tất cả các cung nhân chia nhau ở các viện còn lại: như Đoan Trang (phía sau và thẳng góc với điện Thuận Huy) xây năm 1827; viện Đoan Thuận, nằm phía sau và song song với viện Đoan Huy, làm năm 1830, viện Đoan Hòa, gồm hai dãy ở phía tây và song song với điện Kiến Trung sau này.

Đời Thành Thái xây dựng ở khu vực phía sau điện Võ Hiển và điện Trinh Minh một số kiến trúc có tên chung là Đông Kinh Các theo kiểu thức miền Bắc dành cho các Phi, Tân và Cung nữ.

Tất cả những di tích này đều đã mất.

Ngoài Tam Cung, Lục Viện Đông Kinh Các... còn đặt ra Lục thượng do các nữ quan coi sóc nhằm phục vụ các nhu cầu hàng ngày của vua. Lục thượng gồm có: Thượng Cung, Thượng Nghi, Thượng Phục, Thượng Thực, Thượng Tẩm, Thượng Công. Đứng đầu mỗi Thượng là các bà vợ vua có phẩm tước cao. Chẳng hạn, dưới thời Thiệu Trị bà Từ Dũ giữ chức Thượng Nghi kiêm cai quản các bà trong Lục Thượng.

Thâm cung triều Nguyễn gồm các bà mẹ vua, những người phục dịch vua và

các bà vợ vua... tất cả tạo thành một xã hội nhỏ. Đặc điểm của xã hội này là, trừ các thái giám, chỉ có một người đàn ông là vua, số còn lại là đàn bà...

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 13 -

LAI LỊCH BÀ HIỀN PHI HỌ NGÔ

Vua Minh Mạng có hàng trăm bà phi, nhưng chỉ có hai bà sinh được nhiều ocn vì được vua sủng ái hơn cả. Đó là bà Hiền Phi Ngô Thị Chánh và bà Lệ Tân Nguyễn Gia Thị.

Lai lịch của bà họ Ngô có liên quan đến một vài bí ẩn của khúc quanh lịch sử từ Tây Sơn qua nhà Nguyễn, cho nên mẩu chuyện nhỏ này dành viết về bà.

Bà Ngô Thị Chánh là trưởng nữ của danh tướng Ngô Văn Sở. Sở nguyên là tướng của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Năm Đinh Vị (1787) làm tham tán quân vụ cho Vũ Văn Nhậm đem quân ra Bắc đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Sau khi trừ được Chỉnh thấy Nhậm có ý mưu phản, Sở mật thư cho Nguyễn Huệ, sau đó Nhậm bị giết, người thuộc dòng nhà Lê được lập nên làm Giám Quốc. Sở được giao trọng nhiệm trấn thủ Bắc Hà. Năm Kỷ Dậu (1789) được lệnh đưa vua giả sang châu vua Càn Long nhà Thanh ở Yên Kinh; năm Ất Mão (1795) được lệnh trở lại Bắc Hà sau đó bị triệu về Phú Xuân và bị hãm hại trong một cuộc tranh quyền của triều thần đời vua Quang Toản (1795)... Theo một số tư liệu liên quan đến nhà Tây Sơn thì Ngô Văn Sở đã bị thuộc hạ của Võ Văn Dũng bắt và dìm xuống nước chết.

Sau cuộc tranh quyền trong triều thần đời Quang Toản nhiều nhân vật từng phò Tây Sơn bỏ trốn vào Nam theo Nguyễn Ánh. Số người này đã lập được nhiều chiến công nên rất được Nguyễn Ánh tin dùng.

Một trong những người đó là tướng Ngô Văn Sở (nhưng không ai hay, vì có lẽ Sở đã về hàng Nguyễn Ánh dưới một cái tên khác). Cuối năm Kỷ Mùi (1799) Sở cùng Võ Tánh giữ thành Bình Định. Thành bị quân Tây Sơn vây, một số binh tướng mở cửa thành ra đầu hàng Tây Sơn. Võ Tánh đã cử Ngô Văn Sở ra đóng cửa thành, nhờ thế đã ngăn được những cuộc nổi loạn và đầu hàng của

quân Nguyễn.

Nhưng sau đó thành Bình Định cũng thất thủ, Ngô Văn Sở chạy thoát rồi trà trộn vào dân tìm đường về với Nguyễn Ánh.

Sau khi diệt được nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long, dưới một cái tên khác, Ngô Văn Sở được cử làm Quản đạo trấn Thanh Hoa ngoại (sau này là tỉnh Ninh Bình).

Trong chiến dịch trả thù nhà Tây Sơn, Gia Long phát hiện ra người đứng đầu và có công ở Thanh Hoa ngoại lại chính là một trọng thần của Tây Sơn, đó là danh tướng Ngô Văn Sở. Sử nhà Nguyễn, Liệt Truyện chép vì Sở làm việc lâu ở đó lại giỏi nên Gia Long tha cho tội chết, chỉ cách chức mà thôi. Thực ra, Sở được tha tội chết không phải vì Sở giỏi trung thành với nhà Nguyễn mà còn vì một lý do khác nữa...

Ngô Văn Sở, nguyên là người huyện Đăng Xương (Phủ Thừa Thiên-Huế) sau vào ở làng Thuận Nghĩa, Gia Định. Trong thời gian làm quan ở Thăng Long (dưới thời Tây Sơn) ông đã kết duyên cùng bà Nguyễn Thị Dích, sinh con gái đầu lòng đặt tên là Ngô Thị Chánh. Lớn lên, cô Chánh là người đoan trang nét ngọc, ăn nói dịu dàng, cần mẫn, thông minh.

Tiếng lành đồn xa... Khi hoàng tử Đảm con thứ tư của Gia Long, đến tuổi lập phủ thiếp cô Chánh được chọn sau cô Hồ Thị Hoa, người gốc Gia Định. Bà Hoa sinh ra Miên Tông (sau này là Thiệu Trị) năm 1807, tiếp đó bà Chánh sinh ra Miên Chính. Nhưng chẳng may Chính mất khi vừa chào đời. Năm 1811, bà Chánh lại sinh hoàng tử Miên Hoảng (hoàng tử thứ năm). Sáu năm sau, 1817, bà sinh hoàng tử Miên Áo (thứ sáu). Qua số hoàng tử sinh ra ta thấy vua Minh Mạng đã sủng ái bà Chánh là dường nào! Đến năm 1828 bà Chánh sinh hoàng tử Miên Quân (thứ 40), năm 1833 bà sinh Miên Uyển (hoàng tử thứ 60)... Hơn hai mươi năm trời từ thuở còn tiềm ẩn để cho đến khi được chọn làm hoàng thế tử (1816), cũng như lúc lên ngôi (1820) vua Minh Mạng chưa hề rời xa bà Chánh. Ngoài năm hoàng tử, bà Chánh còn sinh được bốn công chúa (Ngọc Tôn, An

Phù, Lộc Thành và Đoan Thục).

Dưới triều Minh Mạng, trong cấm cung có hàng trăm cung tần mỹ nữ, phần lớn là con của các quan đại thần có thế lực, thế mà bà Chánh lại chiếm phần ưu thế trong trái tim của vị vua tiêu biểu cho quyền lực nhà Nguyễn. Thật là một điều lạ!

Ngô Thị Chánh là một bà Hiền tần được vua Minh Mạng dành cho những ân sủng chưa từng có đối với các bà khác trong nội cung nhà Nguyễn...

Thật vậy, khi bà Chánh còn sống, vua Minh Mạng đã tả một bài sắc tấn phong bà Chánh làm Hiền Phi lời lẽ rất trang trọng “Đoái tưởng Hiền Tân họ Ngô, con dòng của giống, xứng trang nghi phạm trong sáu cung! Nàng theo trẫm từ lúc tiềm đế (1) đến bây giờ (2) hơn ba mươi năm (3) khi phong tiêu, khi viện quế, khi gối phụng, khi màn loan, đỡ tráp nâng khăn, đoan trang nét ngọc, thức khuya dậy sớm, châu chực ven màn. Càng sùng quuyến chừng nào lại càng khiêm thuận chừng nấy. Vậy nên, lệ ban gia mới định, liền chiếu luật gia phong”.

Những ngày son trẻ, bà Hiền Phi họ Ngô thường nũng nịu với vua rằng: “Dù vua có thương thiếp bao nhiêu đi nữa thì đến khi chết, thiếp cũng chỉ ra đi hai tay không mà thôi!”. Vì thế, khi bà mất, vua Minh Mạng đã thân hành đến tận chỗ bà nằm, cầm theo hai nén bạc, truyền thái giám mở hai bàn tay bà ra, vua đặt hai nén bạc vào đó rồi bóp lại. “Đó, trẫm cho khanh cái này để khỏi ra đi hai tay không” vua nói, vẻ xúc động (có người nói là hai nén vàng).

Khi bà Hiền Phi mất, vua Minh Mạng rất thương tiếc. Vua Thiệu Trị (con Minh Mạng) hiếu lòng cha nên vào năm 1843 đã lập một đền chính đường ba gian, hai chái tả hữu, thờ bà Hiền Phi họ Ngô tại xã Phú Xuân.

Không kể người mất lúc mới sinh, bốn con trai của bà Hiền Phi đều có chức tước lớn: Vĩnh Tường quận vương (Miên Hoảng), Phú Bình công (Miên Áo), Hòa Quốc công (Miên Quân), Quảng Hóa quận công (Miên Uyển).

Việc có tình nghĩa nhất của vua Minh Mạng đối với bà Hiền Phi là sự kiện: năm 1822, vua phục chức cho nhạc phụ là cựu tướng Ngô Văn Sở chức Chương Cơ đã từng bị tước dưới triều Gia Long (có lẽ vì Gia Long phát hiện được rằng: họ Ngô, một danh tướng của Tây Sơn về hàng lại giấu không khai chức tước và họ tên thật?). Vua Minh Mạng còn phong cho em bà Hiền Phi là Ngô Văn Thắng làm quan với chức Cai đội.

Người đời bàn rằng: giá như vua Gia Long với cựu tướng Ngô Văn Sở không có tình thông gia, chắc chi Ngô Văn Sở đã tránh được cái chết vì mối thâm thù của Gia Long đối với nhà Tây Sơn!

Phải chăng, dưới triều Gia Long, Ngô Văn Sở đã tránh khỏi tội chết vì có chàng rể là một thế tử của vị vua đương triều?

*(Viết theo Liệt Truyện, Gia Phả triều Nguyễn,
Tài liệu tại Phủ thờ ông Vĩnh Tường Quận Vương số 42 A Nguyễn Chí Thanh
Huế)*

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 14 -

BÀ THỰC TÂN DẠY CON

Lúc mới sinh, Miên Thấm (sau là Tùng Thiện Vương) ít ngủ, nhiều đêm khóc thâu canh. Các ngự y cho rằng “Ngài Mười” mắc chứng “Dạ đề”. Bà Thực Tân đã không quản nhọc nhằn tự mình chăm sóc, nuôi con.

Lên ba tuổi (1821) Miên Thấm mới bắt đầu có sức khỏe tương đối: biết nói, biết đi vững vàng. Chiều chiều bà Thực Tân thường dắt con đi dạo trong các trường lang, qua hết viện nọ đến cung kia, vừa để cháu bà nội, vừa tập cho con quen với nắng gió.

Bà Thực Tân là một người điềm đạm, giản dị, không ưa thích đồ trân châu, sành vàng, lá ngọc, bà chỉ thích thiên nhiên: quanh viện Đoan Trang có đủ các thứ hoa, lan... bốn mùa lúc nào cũng có hoa nở, hương thơm, lá xanh một góc trời. Lá ngập quá đầu, người đi như lội giữa nước hồ nhấp nhô sóng lượn...

Một ngày như mọi ngày, buổi sáng, buổi chiều, trang điểm xong, bà Thực Tân thân hành đi lấy mồi cho chim ăn. Bầy chim thấy bà chủ, bay nhảy, đập cánh kêu hót líu lo mừng rỡ. Tiếng chim vang xao động bầu không khí thanh tĩnh của viện Đoan Trang. Chim ăn xong, bà xách nước tưới hoa. Tưới xong, bà lấy cây bút lông cũ chấm nước nhẹ nhàng rửa từng lá lan, hết khóm này đến giò khác...

Trong khi mẹ chăm sóc chim, tưới hoa, rửa lan Miên Thấm lúc thúc theo chân mẹ... Sợ Miên Thấm quàng chân vấp ngã, bà Thực Tân nẩy ra sáng kiến sẵn cây bút rửa lan còn ướt viết vào thềm đá những chữ lớn rồi bảo Miên Thấm đi lượm sỏi đá sắp vào thật nhanh, nếu chậm là nước khô chữ mất nét. Bằng cách này bà Thực Tân đã vừa dạy khai tâm cho con vừa dứt được chuyện cậu bé cứ nín áo lẫn quần theo chân mẹ... Miên Thấm thích thú lượm sỏi sắp vào ngay.

Hôm đầu tiên, Miên Thấm vừa sắp vừa đọc theo mẹ.

- Nhất là một, nhị là hai, tam là ba.

Hôm sau, lại vừa sắp vừa đọc:

- Khẩu là miệng, nhĩ là tai, mục là mắt.

Hôm thứ ba trò đã quen, ngồi chờ mẹ viết... bà Thục Tân bận, chưa viết được, nên bảo con:

- Hãy viết lại những chữ đã học đi con!

Miên Thấm bất đắc dĩ phải vâng lời mẹ, cậu ngồi yên một chỗ...

Xong công chuyện, bà Thục Tân quay lại “dò bài” thì thấy cậu con đang sắp một cái mặt người. Bà lấy làm lạ, hỏi:

- Con muốn học vẽ à?

Miên Thấm không đáp, cứ hý hoáy sắp cho đủ cả hai tai, hai mắt. Bà mẹ lại hỏi:

- Mấy chữ hôm qua con đã quên hết rồi sao?

Bỗng “trò” đứng dậy hỏi “Thầy”:

- Con đồ ả (mẹ) giữa này có những chữ gì?

- Nhân diện là mặt người, có đúng không?

- Con có biết hai chữ ấy đâu!

- Thế thì là những chữ gì?

Miên THẤM vừa chỉ vào giữa mặt người vừa nói:

- Đây là nhất khẩu, đây là nhị mục, đây là nhị nhĩ!

Nghe con nói một cách dí dỏm thông minh bà Thục Tân mừng rỡ ôm con vào lòng hôn lấy, hôn để... Bà sung sướng đặt con ngồi ngay ngắn và dạy tiếp những chữ khác...

Bà Tiệp Dư, sinh mẫu “Ngài Mười một” Miên Trinh ở viện Đoan Chính, nghe tin Miên Thấm đã bắt đầu khai tâm, liền đưa con sang viện Đoan Trang thăm.

Hai bà mẹ ngồi nói chuyện và làm thầy bắt hai ông con phải viết ôn, viết tập...

Hai ông hoàng Mười (Miên Thấm) và Mười một (Miên Trinh) con vua Minh Mạng về sau đã trở thành hai nhà thơ lớn thế kỷ XIX của Việt Nam đó là Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương. Thi tài của hai ông đã từng được vua Tự Đức, một ông vua giỏi thơ, khen là: “Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường!” (1).

(1)Thơ mà nói đến Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương thì không còn thời thịnh Đường về thơ ca nữa.

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 15 -

LÒNG HIẾU CỦA CÔNG CHÚA AN THƯỜNG ĐỐI VỚI MẸ

An Thường công chúa, con gái thứ tư của vua Minh Mạng. Bà là người được Tuy Lý Vương khen tặng rằng:

“Thất giới giữ thuần. Tam tông chặt chẽ.

Bốn phương ngắm phục, Nữ chức soi gương”

Sách “Cai Dư Kỷ Thực” của Phan Văn Huy viết dưới thời Tự Đức cho biết: mẹ công chúa là bà Mỹ Nhân Nguyễn Thị Sâm, quê quán Quảng Trị. Bà Sâm được tiến vào Nội lúc vua Minh Mạng còn ở Tiềm đế (nay là cơ quan Tỉnh ủy Thừa Thiên – Huế). Sau khi hoàng tử Đảm (tức vua Minh Mạng) được tấn phong Hoàng Thái Tử ở điện Thanh Hòa (1816), cung Chấn Hanh, được một năm thì công chúa An Thường ra đời. An Thường cùng mẹ với hoàng tử thứ 9 tức Hàm Thuận Quận Công (1819-1859).

Năm 1825, An Thường lên 9 tuổi, bà Mỹ Nhân họ Nguyễn thọ bệnh, công chúa đích thân vào các Cung hầu hạ thuốc thang cho mẹ.

Vào tiết Vạn Thọ, vua Minh Mạng cho các nội cung, các công chúa vào hầu tiệc. Bấy giờ có một viên quan lớn dâng sầm. Vua đem chia cho các công chúa. Ai cũng ăn rất ngon miệng... Vua ngạc nhiên thấy công chúa An Thường cứ ngậm không chịu nuốt! Vua quay lại nhìn, cười và dạy rằng:

- Món này ngon lắm, lại hiếm có. Chẳng những ngon mà còn bổ dưỡng nữa, người ăn không quen à?

Công chúa An Thường liền tránh ra ngoài chiếu, quỳ xuống tâu rằng:

- Thần đã nghe phán dạy, nhưng mẹ thần đang bệnh nặng, nhân buổi khánh tiết không thể đến phụng hầu, thần rất lấy làm buồn. Huống nữa mấy bữa nay mẹ thần ăn ngủ không ngon, hình sắc tiêu tụy. Nghe nói món này bổ dưỡng muốn đem về dâng mẹ, nên thần không nỡ nuốt, chứ nào phải ăn không quen.

Vua nghe nói rất cảm kích, khen ngợi lòng hiếu thảo và phán rằng:

- Người hãy cứ ăn sẽ còn phần ban cho mẹ người!

Dứt lời, vua sai nữ quan đem một đĩa đến viện ban cho bà mẹ công chúa An Thường.

Lòng hiếu của công chúa An Thường đã làm cho vua Minh Mạng lưu ý đến bà Mỹ Nhân.

(Theo Liệt Truyện và Cai Dư Ký Thực)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 16 -

TÌNH THƯƠNG CỦA CÔNG CHÚA QUI ĐỨC (1824-1892) ĐỐI VỚI CHỒNG

Công chúa Qui Đức biệt hiệu Nguyệt Đình, con gái thứ 18 của vua Minh Mạng, em (cùng mẹ) với Tùng Thiện Vương Miên Thẩm.

Bà Qui Đức là người thông minh nhanh nhẹn, tính nết thuần hậu. Thuở nhỏ học nữ sử ở nội cung, lớn lên bà hay ngâm vịnh và học luật thơ Đường với Miên Thẩm.

Năm mười sáu tuổi (1850) bà hạ giá lấy ông Phạm Thuật (em út bà Từ Dũ).

Công chúa sinh ở chốn thiên gia, lấy chồng nhà thích lý, nhưng vẫn giữ nếp sống khiêm tốn, không hề xa xỉ, khoe khoang. Về sách đọc bà chỉ ưa đồ thư (tức sách học nhà trường) và chư sử (truyện kể). Khi lấy chồng, bà cùng chồng xướng họa thơ, phú và thường có những bài hay được các bậc vương trưởng khen ngợi.

Năm 1861, giặc Pháp đến Nam Kỳ, vua Tự Đức mật chiếu cho ông Phạm Thuật chồng bà, vào Nam phỏng sát. Nhiệm vụ khá nặng nề và nguy hiểm, Phạm Thuật đã hy sinh. Vua Tự Đức rất thương tiếc và hỏi bà rằng:

- Bà cô muốn đưa quan cữu Phò mã về ngay hay đợi cho xong việc, dùng thuyền chở về Kinh hoặc cứ đưa về Gia Định an táng, cho tau rõ thực tình!

Công chúa liền dâng biểu xin cho trạm đưa về Kinh ngụ. Bài biểu này được người đương thời hết lời ca ngợi. Tài năng và tình cảm của công chúa đối với chồng, đối với đất nước đã thể hiện rất rõ qua lời văn.

Sau đây là nguyên văn bài biểu:

“Lang quân tôi, tháng trước vâng mật chiếu, ở chốn cấm môn tới nơi biên cảnh, thơ hoàng ba dò hỏi thương về việc nước lúc rối ren, chốn lữ khách dần dà, mất ở trong khi làm phận sự, chọn tiết làm tôi, không dài tuổi thọ.

Chợt nghe tin dữ huyền minh cầm việc quan (1) đâu dám lánh nạn, Việt Cơ là nghĩa tử (2) tôi đã chẳng được hầu Tử Xa để dưỡng bệnh (3) lại chẳng nghỉ làm Kiềm lâu mà chủ tan y! Có thể nhẫn được, chỉ có thể cắt thoa, bỏ phần đành là mang tiếng suốt đời, dây đứt gương tan, gượng ngậm hờn ở giữa đường mà thôi, nhưng mà chàng ở chi hữu, hết hồn yêm chệ để làm bóng ma, thiếp ở Hà Dương giải nỗi khóc than, tay cầm ngọc quyết xót chẳng liên can, khi mộ vôn, khi xuân thụ, xa trông nghìn dặm, nào linh cửu, nào xuyên xa, mẹ già tóc bạc khóa ra hồng, con đỏ lòng son rây áo trắng, giả như những khách qua đường, còn vì thương xót, trừ không phải thân gỗ đá, sao đợi được lâu?

Rất sợ như bóng mặt trời tàn, cây nấm úa, như cỏ non yếu đuối bóng trầu lung lay, chợt gặp nhau ở chốn minh minh, bèn hỏi rõ từng lúc trách lấy nghĩa phu phụ, lấy tình tử sinh, thì tôi lấy gì mà nói lại với người dưới toàn đài, cho khỏi phụ cái công dạy dỗ ở chốn cung cung, tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, thì an táng ở Phú Xuân là hơn.

Nay đã vâng sắc mạng ở đài trung suy ra lòng xót tử, nhưng theo người con gái đây bầu ở bến sông Lại thì còn kém xa (4) .

Cúi xin nghĩ đến việc ngu thần thờ nước, xét đến lòng nghi phụ cáo ai, mong được khinh quan (5) , chớ nên chuyên đạo (6), cho chuyện cửu như chuyện Tử Cư, xin phù tang như Viên Thị (7) . Lần qua quan ải núi rừng, chẳng ngại sóng to gió lớn, thực là nhà vua hậu tử, không phải thần thiếp dám mong, tôi xin tự xuất 120 lạng bạc để chia cho những trạm phu hộ tống, nếu được đội ơn vua soi xét, tôi không những làm con chim ngậm đá lấp bể Đông khi sóng gió, lại xin làm người kết cỏ buộc quân dịch ở chốn cương trường”.

Vua Tự Đức xem biểu thấy tình tứ ai thiết, chuẩn cho. Ban chiếu cấp cho phu trạm đưa quan tài về Kinh.

Công chúa làm một sanh phần cạnh mã ông Thuật để ở. Từ bấy giờ thề trong tâm, khóc đến ra máu, một mình ở chốn cô phòng, không ra khỏi cửa, hầu hơn 10 năm, người ta khen là khổ tiết.

Công chúa có tập thơ Nguyệt Đình thi thảo. Bà là người trinh tình, xuất tự thiên tính, được giáo huấn trong cung khốn và các người anh, việc làm trước sau đều theo lễ chính. Cho nên trong bài tựa tập thơ, Tuy Lý Vương Miên Trinh đã viết: “Phát ra ở tình, dừng ở lễ nghĩa, cùng thơ Hà Quảng, thơ Tái Trì ở Vệ Phong”.

(Viết theo Nguyễn Văn Tố dịch từ Liệt Truyện Nhị tập, quyển 9, tờ 13a-16b)

Nguyên chú của Liệt Truyện:

- (1) Huyền Minh là chức quan coi dưới nước,
- (2) Việt Cơ: nàng hầu yêu của vua nước Sở, một hôm nàng cùng vua lên trên đài chơi, vua ngoảnh lại hỏi: “Có vui không?” Nàng thưa rằng: “Vui thì vui thực, nhưng không biết có được lâu như thế không!” Vua nói rằng: “Ta nguyện cùng nàng sống như thế này, chết cũng lại như thế này”. Nàng vẫn chưa tin lời vua nói là đúng. Kịp đến khi vua Sở đi cứu nước Trần, nàng Việt Cơ đi theo, chẳng may vua bị bệnh, có đám mây đỏ giập mặt trời như hình chim bay, vua hỏi quan sử, quan sử tâu rằng: “Điềm ấy hại đến thân vua nhưng có thể gán cho tướng văn hoặc tướng võ”, vua không nghe nàng Việt Cơ nói “Tốt thay đức của Quân Vương, tôi xin theo vua”. Nói rồi liền tự tử nên người ta nói là nghĩa tử.
- (3) Thiên đàn xung hạ, trong khi Lễ chép: Tử Xa chết ở nước Vệ, người nhà bàn việc tuần táng (đem người sống chôn theo).
- (4) Đông Chu Liệt Quốc chép: Tử Tư chạy sang nước Ngô giữa đường bị bệnh, xin ăn trên bến sông Lại. Có người con gái hái dâu ở bến sông Lại mở bầu cơm cho ăn, rồi người con gái tự hồi, đập bầu cơm lại, gieo mình xuống sông Lại mà chết.
- (5) Tam Quốc Chí chép: Tiểu Chu khi xác mất, dặn người nhà rằng: “Lâu nay ta bị bệnh, chưa từng vào chầu. Sau khi ta mất, nếu ơn vua cho triều phục, chớ mặc vào mình, nên về chỗ mộ cũ, làm áo quan nhẹ để chịu ơn”.
- (6) Kinh Lễ, Thiên Táp ký, chép: Lễ táng là thẳng đường mà đi.
- (7) Nam sử chép: Viêm Giám Thâm theo Lưu Khải sang Giao Châu rồi mất, người vợ họ Trịnh khóc rằng: “Hồn họ Viên còn mắc ở đây thì mặt mũi nào về

nhà ra mắt mẹ chồng” lúc bấy giờ họ Trịnh hai mươi tuổi, con là Văn Ngưng mới sinh, thế mà qua Giao Châu muôn dặm, đem được xác chồng về quê chôn. Người ta đều ngạc nhiên khen phục.

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 17 -

BỮA CƠM NGON NHẤT CỦA CÁC BÀ CÔNG CHÚA

Ngày 21 tháng 5 năm ất dậu (1885) các bà công chúa An Thường, Mậu Hoà, Cảm Đức, Báo Ân và Mỹ Duệ vào điện Hiếu Tư(say này là sân bay Tây Lộc) chuẩn bị hầu kỵ vua Minh Mạng. Vào khoảng quá canh ba đêm 22 tháng 5 có biến động. Tôn Thất Thuyết lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Nghe tiếng súng nổ tứ phía, các bà kinh hoàng, Bà An Thường là Thái trưởng công chúa vừa khóc vừa bảo các em:

- Từ lâu tA đã biết thế nào cũng có ngày hôm nay, cho nên ta thường tâm nguyện vạn nhất có điều chi thì lên Hiếu Lăng(tức Lăng Minh Mạng) chịu mục nát với cỏ cây mà thôi! Nay Hiếu Tư diện với HIếu Lăng thì cũng có một chữ hiếu, vậy chết ở đây thì cũng đắc kỳ sở rồi!

Nói xong, tất cả cùng quỳ xuống bên cạnh long khám mà khóc oà lên. Bà An Thường lại nói tiếp:

- Bọn ta chết không có gì đáng tiếc nhưng xã tắc thì sao?

Không có ai trả lời câu hỏi, Không còn cách nào khác, các bà ngồi tùm lại một góc vừa khóc vừa cầu nguyện... bà An Thường tên huý là Lương Đức khẩn to:

- Nguyện cùng trời đất và xã tắc linh thiêng bảo hộ cho nhà nước được yên lành thì thần là Lương Đức xin cắt tóc và đem hết tóc ra để báo đền.

Nói xong bà quá xúc động ngã xuống và hôn mẹ

Bỗng nghe có tiếng các cô Tôn nữ phụng trực kêu thét rằng :

- Ngự giá đã phụng rước Tam cùng từ hồi canh năm ra khỏi Kinh thành để đi Quảng Trị. Hôm nay vận nước nghiêng ngửa, bọn giặc Tây bố ra cướp bóc khắp nơi nơi, các công chúa không lo sớm chạy mà còn ngồi đó sao?

Các bà sợ hãi, đến lay gọi bà An Thường tỉnh dậy để chuẩn bị “chạy”...
bà An Thường vừa hé mắt lại tỉnh đã đáp

- Chị ở đây đã đắc kỳ sở rồi (1). Còn chạy đi đâu nữa?

Các bà khuyên mãi, bà An Thường vẫn quyết không đi đâu hết.

Lát sau, các tôn nữ lại đến khóc và nói:

- Các công chúa còn ở đây chúng tôi nào bỏ đi. Nếu như ở lại đây thì không những chết đã vô ích mà cha mẹ chúng ta cũng không biết chúng ta ở nơi mô, còn mất thế nào? Huống chi chết thì chưa chết mà rùi ra bị giặc làm ô uế tâm thân thì biết làm sao? Đến lúc đó, có hối cũng muộn rồi !

Các bà công chúa mới nghe qua đã vỡ lẽ, lấy làm kinh hãi.... Họ không thể tưởng tượng được hậu quả khi chính thân họ bị bọn lính Pháp làm ô uế. Trong tâm trí các bà đã nghĩ thà chết chứ không thể để mặc cho số phận đưa đẩy Và bà An Thường bỏ ý định ở lại điện Hiếu Tư. Bà lấy bảy cuốn kinh nhỏ chia cho mỗi công chúa một bản mang theo trong người để được độ mạng...

(1) Đắc ky sở: đã đạt được ý nguyện rồi

Nhận kinh xong, các Bà cùng nhau lạy chào và ra đi. Chân bước mà nước mắt đầm đìa. Khổ nỗi là : vì sợ quá mà ra đi chứ chẳng biết về đâu!

Lúc ấy, vào khoảng giờ Thân (hơn bốn giờ chiều), không ai bảo ai mà các bà đều nhắm hướng An Hoà...

Chạy đến An Hoà thì trời đã chập choạng tối, đường đi quanh co khúc khuỷu không biết nên đi lối nào. Người đã mệt mỏi, chân tay rã rời, nói ra chẳng được chi, các bà chỉ còn biết ôn nhau mà khóc ... Qua cơn xúc cảm, các Bà bàn nhau : cứ đi theo đường cái quan đến nơi hành tạt là được.

Bà An Thường lấy chồng quê ở Quảng Trị nên biết rõ đường ra ngoài ấy cũng khá xa không dễ gì đi tới. Bà nói với các em:

- Ta già rồi , sợ chân không đi nổi. Huống nữa các em cũng đều là đàn bà hết, đường dài thật đáng lo ngại.

Thế là các Bà lại khóc. Tới khốn tới, lui khốn lui. Bỗng bà An Thường sức nhớ ra, Bà vui mừng nói:

- Nay, ở làng An Ninh có dinh Phò mã họ Hồ, chồng bà Công chúa Đa Lộc, đường lên trên đấy không xa lắm. Hay là ta cứ lên trên đó ở lại một đêm cho khỏi phơi sương gió cái đã, rồi sáng mai hoặc ra nơi hành tại, hoặc đi lên Hiếu Lăng, bề nào cũng được!

Nghe bà An Thường mách nước, các công chúa con vua Minh Mạng trên đường chạy giặc, như những kẻ sắp chết đuối vớ được phao... Họ quyết định đi ngay.

Các bà dìu dắt, nương tựa nhau mà lần về hướng làng An Ninh. Chốc chốc các bà lại ngoái đầu nhìn lại Kinh thành đang ngút ngàn khói lửa... Nước mắt lại ứa ra... theo những tiếng sục sùi tức tưởi không dứt...

Qua hết canh một thì vừa đến phủ và Công Chúa Đa Lộc. Tiếc thay, Công chúa đi vắng, chỉ còn Phò mã ở nhà. Các bà đã mệt nhoài, vừa đói lại vừa khát nhưng đành ngồi ôm nhau chờ trời sáng....

Sáng ngày 24 tháng 5, các Tôn nữ đã phân tán mỗi người một hướng, chỉ còn mấy chị em bà An Thường. Các bà lên ngụ tại quán Hương Sơn, làng Nguyệt Biều, đây là nơi an táng phò mã Phan Văn Oánh, chồng bà An Thường (1). May thay! Vừa đến Hương Sơn thì gặp ngay Công Chúa Phú Mỹ đã đến trước, Bà Phú Mỹ đem cơm và nước trà mời các bà. Đó là bữa cơm ngon nhất các bà được ăn. Bữa cơm này đánh dấu một trang sử bi đát chấm dứt thời kỳ vàng son của vua chúa triều Nguyễn

(Theo “Cai Dư Ký Thực” của Phan Văn Huy
do Phan Văn Dật dịch ra quốc ngữ)

(1) Phủ thờ hiện ở 29 Nguyễn Công Trứ, Huế An Thường Công Chúa

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 18 -

GUƠNG CẦN KIỆM CỦA MỘT HOÀNG THÁI HẬU

Bà Từ Dũ là một Hoàng Thái Hậu, mẹ vua Tự Đức, một bậc hiền phụ ở nước ta vào cuối thế kỷ XIX.

Bà tên thật là Phạm Thị Hằng, trưởng nữ của công thần Phạm Đăng Hưng, Người gốc Gò Công (Tiền Giang).

Từ thuở nhỏ bà đã nổi tiếng thông minh, hiền đức, tính tình hiếu thuận. Năm 14 tuổi bà đã được Thuận Thiên Cao, hoàng hậu(vợ thứ vua Gia Long) tuyển vào hầu hạ Miên Tông tại Tiềm Đế. Năm 1841 Miên Tông lên ngôi, niên hiệu Thiệu Trị, bà được phong làm Cung Tân, hai năm sau phong Thành Phi, sáu năm tiếp theo, bà thành Giai Phi, rồi nhất Giai Phi. Vào cuối đời, vua Thiệu Trị muốn phong và làm Hoàng Hậu nhưng chưa thực hiện được ý định thì vua băng.

Bà được Thiệu trị sùng ái, được con là vua Tự Đức hết lòng phụng kính, cuộc sống vật chất nơi vương triều đạt đến tuyệt đỉnh. Nhưng bà vốn giữ được nếp sống rất giản dị...

Khi vào ở tại cung Gia Thọ(nay là Diên Thọ) người ta đã sắm sửa cho bà theo mức giàu sang tột bậc, bà chối từ:

- Đồ phụng dưỡng cho bốn thân này đều là của thiên hạ cung nạp, mình đã không làm đặng sự chi lợi ích cho nhà nước thì thôi, cố sao giám vọng phi?

Và bà nhất quyết chỉ dùng những đồ dùng cũ có từ trước.

Một hôm nhân đến cung Gia Thọ thỉnh an mẹ, vua Tự Đức thấy trong cung nhiều vật dụng quá cũ kỹ, nhà vua rất động lòng: cái quạt tre bông phất giấy hơi rách, cái thổ với cơm rạn nứt một đường dài, vua truyền quan hầu đổi

những thứ mới, và khoát tay không cho. Vua lại cầm cái dây đựng kính đeo mắt lên xem, thân đáy đã mềm nhũn, nhiều chỗ đã sứt chỉ, tuy đã may lại rất khéo nhưng không giấu được sự nghèo nàn tội nghiệp. Vua lại đề nghị xin quan cho đổi cái khác, Bà bảo:

- Kiếng thuỷ tinh ấy đeo vào chỉ mát con mắt trong chốc lát thôi chớ cũng chẳng hiệu nghiệm chi hơn. Nếu đổi cái dây mới thì lâu rồi cũng sẽ cũ như rửa. Chi bằng để nó mà dùng có tiện hơn không !

Nhân chuyện này, người xưa đã có bài từ rằng:

*Bà Thái tử kiệm cần trị nội
Vài nhỏ to dùng mãi không thôi,
Giúp Cơ Xương Châu nghiệp vun bồi
Nhơn kiệt dưới thiếp hầu đền đời.
Lệnh Từ Dũ đây kia không đổi
Đức hạnh kia phường phất như đôi.
Bền vững Nguyễn triều gốc cội
Ninh lương hội hiệp chúa tôi.*

Hằng ngày cung nhân nhâng đèn sáp thắp trong cung Gia Thọ, bà thường dạy cắt bớt đi. Mỗi ngày dành một ít, đến khi được số nhiều bà sai người đem vào dự trữ lại tại kho nhà nước. Phần sáp nhiều ra bà góp quét lại để dành đủ đúc lại thành cây dùng cho mình giảm bớt một phần của kho

Bà bảo quan hầu rằng:

- Ta thuở nhỏ, gia đình tuy không dư dả nhưng cũng đủ ăn. Vậy mà các thứ dầu nước không đủ thắp cho trọn đêm; huống nay ngửa nhờ ơn trời đất, tổ tông được giàu có trong bốn bể, một sợi tơ, một hạt lúa đều là dầu mỡ của dân, nếu xài phí tầm bậy thời đã không ích chi mà còn có cái nên tiếc lắm. Lâu nay tấn nạp cho ta những đồ châu báu và gấm, nhiều sô, tơ... ta đều giao cho quan kho tất cả. Vì bốn tính ta không thích sự hào nhoáng, huê hoè. Sách có chữ : xa xỉ ấy triệu nghèo, kiệm cần là nguồn phước, con cháu phải nhớ lấy!

Vua Tự Đức mức sống kiệm cần. Cái đức ấy một phần nhờ sự dưỡng dục vun

đắp của bà Từ Dũ.

(Theo Liệt truyện và truyện Từ Dũ Hoàng Thái Hậu
của Nguyễn Liên Phong, S8-1913)

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 19 -
LÀM MẸ VUA

Bà Từ Dũ là mẫu thân vua Tự Đức, Bà là người vừa nuôi nấng và dạy học cho nhà vua. Bà rất nhân hậu nhưng cũng rất nghiêm khắc. Suốt 36 năm Tự Đức ở trên ngai vàng, các lễ nghi giao tiếp giữa bà Từ Dũ và nhà vua không hề thay đổi, nghĩa là tương quan mẹ hiền con hiếu vẫn duy trì một cách đẹp đẽ.

Cuộc đời làm vua của Tự Đức có lắm chuyện buồn. Để giải buồn, vua thường xem hát bội hay đi săn bắn... Bà Từ Dũ khuyên con không nên săn bắn.

Có lần nhà vua dâng mẹ mấy con chim mới bắn được, bà lựa ra những con chim bị thương tích nhưng có thể sống được, đem xức thuốc, nuôi cho lành rồi thả chúng bay đi. Bà lấy chuyện Cao Hoàng Hậu đã dạy để nhắc nhở Tự Đức:

- Vật cũng như người, bắn chết con trống thời con mái thương nhớ, bắn con con thời con mẹ thảm buồn, rứa thời bắn làm chi? Muốn tập bắn thời bắn súng điều thương cho quen, bắn bia hay hơn... Tự hậu phải bớt bớt đi, chẳng nên sát hại sanh vật. Một hôm rảnh việc triều chính, vua Tự Đức ngự săn bắn tại rừng Thuận Trực, bên bờ sông Lợi Nông. Vì sợ mưa phải đi gấp, nhà vua không kịp bấm mạng, ông dặn nữ quan ở nhà tâu lên bà hay. Chẳng hay vị nữ quan bận rộn công việc quên lửng không tâu. Đến khi trời mưa to đồm đồm sắp có lụt lớn bà mới hay vua Tự Đức đi săn. Bà hết sức lo âu. Hơn nữa trong Nội sắp có kỵ vua Thiệu Trị, mà vua Tự Đức chưa về không biết sắp đặt thế nào.

Bà liền sai quan Đại thần Nguyễn Tri Phương đi rước...

Đi được nửa đường, cụ Nguyễn Tri Phương thấy thuyền ngự đang chèo lên. Vì nước chảy mạnh nên dù cố hết sức thuyền cũng không đi mau được. Gần tối, thuyền ngự mới về đến Nghinh Lương. Trời vẫn mưa như trút, vua Tự Đức vội vã lên kiệu trần ngự thẳng vào cung Gia Thọ lạy xin chịu lỗi với mẹ.

Giận con, bà Từ Dũ ngồi quay mặt vào màn, không nói một lời. Vua Tự Đức tự

tay nắm lấy một cây roi mây dăng lên đặt trên tràng kỷ rồi nằm dài xuống chịu đòn...

Sau một hồi lâu, bà Từ Dũ xoay mặt ra, đưa tay hất cây roi mà ban rằng:

- Có một mẹ một con, con đi đâu lâu, thời mẹ ở nhà trông đợi lắm. Sao con đi không báo cho mẹ hay trước? Thôi, tha cho. Đi chơi để quan quân cực khổ thì phải ban thưởng cho người ta!

Vua Tự Đức khấu đầu lạy tạ lỗi:

- Từ nay con không dám vậy nữa!

Khi vua Tự Đức lui ra, bà còn dặn:

- Lo ban thưởng cho xong để ngày mai đi hầu kỵ.

Vua rời cung Gia Thọ.

Đêm hôm ấy tại điện Càn Thành ông thức rất khuya để thực hiện những điều mẹ dạy.

*(Theo Liệt truyện và chuyện kể của cụ Thân Trọng Huề
trích trong VNSL tập II)*

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 20 -

BÀ TỪ DŨ VÀ VỞ TUỒNG ĐƯỜNG CHINH TÂY

Bà Từ Dũ rất thích hát bội. Nhân lễ khánh tiết bà cho mời đoàn Thanh Bình vào hát trước cung Gia Thọ (đời Khải Định đổi thành cung Diên Thọ). Hôm ấy đoàn hát tuồng thuyền, vở Đường Chinh Tây, lớp “ Phần Lê Huê tru huynh, sát phụ”. Hát cho bà Hoàng Thái Hậu xem, các diễn viên tuồng hôm ấy đã cố gắng hát rất đạt. Đặc biệt vai Phần Lê Huê do một kép giả đào đóng tài tình vô cùng.

Xem xong, bà Từ Dũ âu sầu với vẻ mặt khó chịu. Bà liền gọi đội trưởng vào bảo:

- Người Tàu đặt truyện ấy thật nghịch lý nhãn tâm. Đã đặt cho Phần Lê Huê tài phép đến thế ấy, từng sử có chuyện chi gấp rút đến mấy đi nữa, thời với tài ấy cũng có thể tránh trút như chơi. Chớ chi đến nỗi phải giết cha, giết anh chẳng còn tình nghĩa gì hết. Người Tàu khác, người mình khác. Người đặt truyện đã đặt vậy, cứ sao người sao người soạn tuồng cũng soạn bậy luôn? Phải sửa lại đừng cho như vậy, mới là hợp lý và thuận với thời nước ta!

Đội trưởng đội Thanh Bình cúi đầu nhận lỗi và hứa sẽ sửa lại.

Vua Tự Đức nghe mẹ phê phán đội Thanh Bình ông cũng cảm thấy mình có phần trách nhiệm. Sau đó, để chonhwngr chuyện nghịch lý kiểu ấy khỏi xảy ra nữa, ông ra lệnh thu tất cả các bản tuồng đang lưu hành trong dân gian đưa về Kinh nhuận sắc. Vở nào không đúng với đạo lý Việt Nam- theo quan niệm của Tự Đức đều phải sửa. Kể từ đó, tuồng Việt Nam có bản Kinh và bản Phường.

(Theo Liệt Truyện Từ Dũ Hoàng Thái Hậu)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 21 -

CUỘC ĐỜI THĂNG TRẦM CỦA BÀ TRANG Ý

Vua Tự Đức thừa nhỏ hay ốm đau, dù được bà Từ Dũ chăm nom săn sóc hết sức nhưng sức khoẻ nhà vua vẫn không được sung mãn. Về đường sinh lý ông bị bệnh bất lực. Dù vậy, đến tuổi nạp phi, ông vẫn được ccs quan đại thần tiến cho hàng trăm bà. Trong đó, bà Trang Ý họ Võ (sinh năm 1862) được Tự Đức yêu chuộng nhất.

Năm Tự Đức nguyên niên(1848) bà được vào hàng Tân, năm Tự Đức thứ 3 (1850) được phong làm Cần Phi, năm Tự Đức thứ 13(1860) được tấn phong làm Thuần Phi roofileen đến tột đỉnh là Hoàng Quý Phi.

Mặc dù ái ân không được thoả mãn, nhưng được chức trọng quyền cao, gia đình được nhờ bà cũng vui lòng. Để xứng đáng với địa vị được sùng ái nhất, bà Trang Ý ngày đêm phục vụ vua Tự Đức hết mình. Bà còn được giao việc nuôi dạy Dục Đức làm thế tử(từ năm 1868)

Oái ăm thay! Năm Tự Đức thứ 35 xa(1882) xảy ra vụ Henri Riviere tấn công ở Bắc Hà, Vua Tự Đức suốt ngày phải chủ trì các cuộc họp bàn của Triều đình để tìm phương đối phó với Pháp, sức khoẻ của ông đã yếu lại càng thêm yếu. Ông hay ối cáu, hay tức giận đột ngột và vô cớ... Nhân một sự chậm trễ thuốc men của người phục dịch, Tự đức nổi trận lôi đình buộc tội bà Trang Ý là thiếu cẩn trọng, giáng bà xuống hàng Trung Phi. Bị tước đoạt chức vụ Hoàng Quý Phi, bà Trang Ý vô cùng đau khổ. Thật là “ chịu đấm ăn xôi xôi cũng hỏng!”

Nỗi đau khổ của người đẹp đã làm cho trái tim vị vua thi sĩ Tự Đức xao xuyến. Tự Đức hối hận và xót xa vì đã “ giận cá chém thớt” một cách vô lý. Vì vậy, trước khi chết (19-7-1883), vua Tự Đức đã di ngôn truyền phải phong cho bà Trang Ý làm Hoàng hậu.

Sau khi vua Tự Đức băng, Thế tử Dục Đức là con nuôi lên kế vị, Việc tấn phong Hoàng Hậu cho bà tương quá dễ dàng. Nào ngờ Dục Đức mới ở ngôi vị được ít ngày thì bị các quyền thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phế truất và tống ngục... Thế là việc tương dễ lại bất thành...

Vua Hiệp Hoà nối ngôi muốn y theo lời căn dặn cuối cùng của hoàng huynh định tấn phong bà chức Hoàng Hậu. Nhưng tình hình chính trị lúc bấy giờ quá căng thẳng, bi đát, nỗi lo âu ám ập bên lòng, bà đã xin được từ mệnh. Hiệp Hoà nài nỉ, bà viện lý do có tang mà lại việc Dục Đức bị tống ngục bà cũng có phần chịu trách nhiệm, do đó bà chỉ xin một ân huệ là được lên Khiêm Cung để ngày đem lo việc hương khói phụng thờ cố hoàng đế mà thôi.

Được chấp thuận, bà Trang Ý cùng hàng trăm thứ phi của vua Tự Đức rời Hoàng thành lên Khiêm Cung.

Vua Hiệp Hoà lệnh cho đình thần tham cứu sử cũ tìm một tiền lệ của cổ nhân để sách phong cho bà một cách danh chính ngôn thuận. Các triều thần làm việc khẩn trương. Sau một thời gian đã sưu tầm được các sử liệu như: đời nhà Đường có Bửu Lịch hoàng hậu ở điện Nghĩa An được phong là Nghĩa An hoàng hậu; đời Tống Hiến Tích Thái hậu ở cung Minh Đức cũng được phong Minh Đức hoàng hậu.... Như vậy chiếu sử liệu, có thể lấy tên điện, tên cung mà tôn phong.

Thế là bà Trang Ý ở Khiêm cung được sách phong là Khiêm Cung Hoàng Hậu. Bản sách phong được rước lên Khiêm Cung và long trọng tuyên đọc, bà Trang Ý phụng mệnh và mọi việc thành tựu êm đẹp. Khiêm hoàng hậu tức Lệ Thiên Anh hoàng hậu đã sống tại Khiêm Cung cho đến ngày 24-5-19120 mới tạ thế. Lăng bà được xây dựng ngay trong khuôn viên lăng Tự Đức, đó là Khiêm Thọ lăng, nơi đây mỗi ngày có hàng trăm khách du lịch đến thăm quan....

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 22 -

CÔNG CHÚA CON VUA HÀM NGHI ĐỠ THỦ KHOA BÁC VẬT

Thượng tuần tháng giêng năm 1889 vua Hàm Nghi được áp giải đến Alger (Bắc PHhi) và bị giam lỏng tại làng EI Bia cách Alger chừng vài cây số. Đây là một vùng hoang dã trên dãy đồi Mustapha Superieur. Nhà vua được giao một ngôi nhà bình dân, trước đó có một khoảng sân rộng, chung quanh là vườn hoa. Lối đi từ trong nhà ra có hai rặng thông, trên cổng vào treo lủng lẳng một cái biển mang chữ “Tùng Hiên” (villa des pins:biệt thự những cây tùng).

Lúc mới đến, nhà vua không chịu học tiếng Pháp vì nghĩ rằng học tiếng Pháp tức là mặc nhiên thừa nhận kẻ chinh phục mình. Nhưng qua thời gian ông đã suy nghĩ khác đi và thấy rằng : muốn chống Pháp phải thông thạo tiếng Pháp. Và nhà vua liền học tiếng Pháp đọc tiếng Pháp và rất có năng khiếu về hội họa... Ôn De Varingi phóng viên báo Le Temps đã đến thăm vua Hàm Nghi và đã mô tả chỗ làm việc của nhà vua là:

“ Một phòng rộng lát đá hoa... Nơi đây vua Hàm Nghi thích hơn cả và ngài làm việc suốt ngày ở đó. Trên bàn sách, báo ngổn ngang, các họa phẩm treo đầy trên tường. Trên giá vẽ còn nhiều bức đang dở dang. Rồi nào chỗ đánh đàn, nào máy ảnh... Những vật ấy làm lộ rõ cái chí ham hiểu biết , ham sáng tạo của ngài....”

Tuy sống ở xứ người nhưng vua Hàm Nghi vẫn giữ cách phục sức của dân tộc,vẫn khăn lượt,áo dài.Vì thế dân bản xứ thường gọi ông là “ông Hoàng An-Nam le Prince d” An-nam.

Tại Alger, vua Hàm Nghi được dân bản xứ và những người Pháp không có đầu óc thực dân mến phục.Ông chánh án Laloe đã gả con gái cho nhà vua.Sống với người vợ Pháp này,vua có ba người con,hai gái,một trai: Công chúa Như Mai,Công chúa Như Lý, và Hoàng tử Minh Đức. trong ba người công chúa Như Mai nổi tiếng nhất.Nổi tiếng nhờ trình độ học vấn của bà và cũng nổi tiếng về cốt cách con gái Việt Nam của bà(1).

Báo ảnh Pháp tờ Illustration số ra ngày 12-11-1927, ký giả Jules Vogue đã viết một bài ca ngợi tài năng và cốt cách của công chúa Như Mai. Bài báo cho biết, từ Alger sang Paris vào trường Nông Lâm Công chúa đỗ thứ năm. Trong những năm học ở trường Công chúa là một sinh viên giỏi.

Tháng 7-1927, trong mấy chục ông bác vật thi ra trường, công chúa Như Mai đã đỗ thủ khoa bằng Thạc sĩ Nông Lâm. Kết quả này đã làm kinh động giới báo chí Paris. Công chúa là con gái của một người tù giam lỏng, một người ăn gỏi ở nhờ những tài năng có thua gì ông Bertelor và bà Curie ở Âu Mỹ đâu! Bà là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên đạt được kết quả cao nhất trong nền học vấn ở Âu châu.

Nhưng trước khi mọi người biết đến tài năng, người ta đã vô cùng kính phục bà về phong cách: suốt thời gian theo học bà thường phục sức theo kiểu đàn bà Việt nam và được mệnh danh là “cô An-Nam”. Các nhà báo chí hỏi vì sao bà lại chủ trương như thế, bà cho biết “để theo ý muốn của vua Hàm Nghi”

Đỗ xong bằng thạc sĩ Nông Lâm, bà Như Mai về Alger sống với vua cha một năm, sau đó bà đi thực tập ở trường Agro. Sau ngày vua Hàm Nghi mất (1947) được biết bà đang làm việc ở Cannes. Ngoài bằng Thạc sĩ Nông Lâm, bà còn nhiều bằng cấp về khoa học...

Tài năng cốt cách của công chúa Như Mai đã góp phần làm sáng tỏ thêm tinh thần yêu nước và lòng tự trọng dân tộc của vị vua yêu nước Hàm Nghi.

Chú thích:

(1). Công chúa Như Lý kết duyên cùng với một đại tá không quân dòng dõi hoàng tộc Bỉ, hoàng tử Minh Đức về sau làm sỹ quan chiến xa

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 23 -

VUA THÀNH THÁI CHỌN QUÝ PHI

Dưới thời các chúa Nguyễn Phúc Lan và Nguyễn Phúc Tần, Kim Long là nơi Đô hội. sau khi chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687) đưa thủ phủ về Phú Xuân, Kim Long được giao lại cho các ông hoàng, các gia đình quan lại làm nhà thờ, lập vườn và chảnh bao lâu, Kim Long đã trở thành một vùng ngoại ô xinh đẹp, trái cây bốn mùa không thiếu thứ gì... Đặc biệt là con gái Kim Long phần đông làm nghề thủ công ở chỗ im mát, lại xuất thân từ các gia đình có nề nếp, có văn hoá cho nên vừa đẹp người vừa nét na, duyên dáng, rất dễ thương... Sự hấp dẫn, nét diễm kiều của con gái Kim Long đã nổi tiếng và vang xa... đến nỗi các bậc quân vương trong cung cấm phải chấy ước mơ để rồi trốn triều thần "vi hành" đến tận nơi mong nhìn tận mặt giai nhân. Dân gian đã ghi nhận trường hợp đó trong câu ca:

*“Kim Long có gái mỹ miều
Trăm yêu trăm nhớ, trăm liều trăm đi”*

Câu hát không nói rõ “trăm” ở đây là ai, nhưng nhiều người quả quyết chỉ có “Ngài Thành Thái” mới dám “liều” như thế...

Chuyện kể rằng :” Vào một ngày tết Nguyên Đán, vua Thành Thái cải trang làm một người dân bách tính đi “liều” lên Kim Long để tìm chọn một Quý Phi.

Đến nơi nhìn khắp đó đây, không gặp ai vừa ý, thất vọng, ông liền thuê một chiếc đò ra về. Đò ghé vào, khi bước lên, ông trông thấy cô lái, khoảng chừng hai mươi, đang khấp nép trong chiếc áo vá vai, với đôi má ửng hồng rất có duyên. Lòng ông bỗng xao xuyến rộn lên một niềm cảm xúc lạ lùng... Ông gọi cô gái đang ở cuối thuyền và hỏi một cách đột ngột:

-Nì, o tê! O có muốn lấy vua không ?

Cô lái đồ tình thiết,nhìn ông khách lạ đời đáp:

-Đừng có nói bậy mà họ lấy đầu chứ!

Giọng nói và điệu bộ thật thà của cô gái thật càng đáng yêu hơn nữa,vua Thành Thái đổi giọng:

-Tui nói thiệt đó,o có muốn lấy vua thì tui làm mối cho!

Nghe thế cô lái đồ làng Kim Long thẹn thùng, cúi mặt nhìn lơ chỗ khác.Một quan khác qua đồ lớn tuổi,khăn đen áo dài chững chạc chừng như vừa mới dự lễ về,túm tít cười,vui vẻ bảo cô lái:

-Ni,o tê! O cứ nói “ưng” để coi thử nờ!

Cô lái đồ đánh bạo nói nhanh:

-Ừng!”

Vua Thành Thái thích thú đứng dậy đi về phía lái,cầm tay cô kéo ra đầu mui thuyền.Mặc cho cô gái thẹn thùng dùng dằng,ông bảo:

-Rửa thì Quý Phi ngồi nghỉ để trẫm chèo cho!

Nói rồi đi ra sau lái cầm chèo đưa đồ đi trước sự ngạc nhiên vui vẻ của mọi người.Trước cử chỉ đó những người ngồi trên đồ bỗng nhận ra người khách lạ đời kia chắc là vua Thành Thái,lòng vừa kính vừa sợ...

Chiếc đồ xuôi theo dòng Hương êm ả...Cô lái đồ không hiểu chuyện gì sẽ xảy ra...

Đến trước Kinh thành,vua đưa đồ vào đậu ở bến Nghinh Lương(trước Phu Văn Lâu) và bảo mọi người”

-Thôi thiên hạ đứng dậy trả tiền đồ cho Trẫm và tiễn đưa Quý Phi vào cung!

Mọi người đều phải làm theo ý nhà vua.Tất cả đứng lên,rời đồ và đưa cô lái đồ Kim Long vô nội làm Quý Phi của vua Thành Thái

*(Viết theo Minh Văn và Xuân Trước-sách Việt Luận, lời kể của Bảo
Hiền,Cháu nội vua Thành Thái)*

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 24 -

DÃI CÁT TÌM VÀNG

Cuối năm 1815 vua Duy Tân sắp lên tuổi mười sáu. Nhân một hôm cắt nghĩa hai chữ “nạp phi”(có nghĩa là vua lấy vợ) cho vua nghe, Thượng thư Huỳnh Côn buột miệng hỏi:

-Ngài đã muốn lấy vợ chưa?

Vua Duy Tân không tỏ ra bẽn lèn và cũng không cần phải suy nghĩ đắn đo nhiều, ông đáp:

-Vận nước mới đáng lo, chuyện nạp phi không cần gấp. Nếu trì hoãn được chậm bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

Việc từ chối ấy đến tai bà Mẫu hậu Nguyễn Thị Định (mẹ đích của vua Duy Tân). Mẫu hậu rất lo buồn, bà gọi Duy Tân đến và năn nỉ hết lời. Vốn là một con người hiếu thảo, Duy Tân không thể từ chối được cho nên đã nhận lời.

Tin vua Duy Tân đồng ý nạp nhi lan ra khắp Kinh Thành. Thế là các bà mệnh phụ, các ông đại thần có con gái, cháu gái, những người đã từng được chơi trò cút bắt với nhà vua lúc còn thơ ấu vào chầu Mẫu hậu để nhắc lại tên tuổi các con, các cháu mình để mong có người được lọt vào sự chú ý của mẫu hậu

Tương truyền sau đợt cung tiền ấy các thái giám đã lập được một danh sách chừng 25 người để dâng vua lựa chọn. Nhận được cái danh sách “con ông cháu cha” ấy, nhà vua chẳng thích thú gì. Ông cứ hẹn rày hẹn mai, lần khăn mãi không chịu “chấm” một cô nào. Chờ đợi một thời gian không đạt được kết quả, Mẫu hậu đâm ra sốt ruột. Bà đích thân cầm tờ danh sách hai mươi lăm “người đẹp” chìa ra trước mặt vua và yêu cầu vua thích được cô nào thì phải chấm ngay. Vua chịu nạp phi để sinh người nối nghiệp là “hạnh phúc” của trăm họ, giọng của mẫu hậu hơi gay gắt, không giấu được sự quyết liệt bên trong. Duy Tân biết

không chần chừ được nữa bèn chúm chím cười trả lời một cách thân nhiên:

-Con không thể chầm được ai cả,vì con có người yêu rồi!

Bà mẫu hậu mừng rỡ,nước mắt tràn mi,bà hỏi giọng nóng hổi:

-Người yêu của con ở mô? Lên mấy tuổi?

-Ở Cửa Tùng.Hơn con một tuổi!-Duy tân bẽn lẽn khai đáp.

Đêm ngày mơ ước sớm có người nối nghiệp tông đường Mẫu hậu gạn hỏi về người yêu của nhà vua.Không giấu được Hoàng mẫu,Duy Tân hẹn:

-Ba ngày nữa con sẽ mời ả(mẹ) đi với con ra nghỉ mát ở Cửa Tùng mười ngày.Lúc ấy ả sẽ gặp được cô ấy.Nếu ả đồng ý thì con mới lấy.

Thế là thị vệ lo sắm sửa thuyền rồng để rước Mẫu hậu và Duy tân đi chơi Cửa Tùng.Trời còn lạnh đi Cửa Tùng chẳng thú vị gì,nhưng vì muốn “nhìn mặt” “cô dâu” nên Mẫu hậu phải đi.

Ra Cửa Tùng ngồi chơi suốt năm ngày liền không thấy bóng dáng ai là người yêu của vua Duy Tân cả.Hỏi thị vệ,thị vệ nói nhà vua có tiếp xúc với ai đâu.Mẫu hậu hết sức thất vọng nhưng không tiện nói ra.Đến ngày thứ tám,người phụ trách thị vệ nêu một điều khó hiểu với mẫu hậu:

-Không hiểu sao mấy hôm nay mỗi lần ra bãi tắm vua rất say mê việc đào bới cát,có lần đào rất sâu.Chúng tôi không hiểu tâu thì Ngài đáp”Ta đang đãi cát tìm vàng đây!”

Câu chuyện càng làm cho Mẫu hậu mất ngủ.Sáng hôm sau ngồi nói với con,Mẫu hậu tỏ ra rất buồn.Vua Duy Tân thương mẹ hỏi:

-Hôm nay sao ả có vẻ buồn rứa?

Mẫu hậu nói ngay:

-Con điên sao mà lại đi tìm người yêu trong cát?

Duy Tân giải thích một cách từ tốn”

-Con không điên đâu.Con nói thật đó.Ả đừng buồn nữa.Nếu ở đây con tìm không được thì về Huế thế nào ả cũng gặp được.

Lúc này Hoàng mẫu mới hiểu rõ sự thật:

-Rứa thì ả hiểu rồi.Người yêu của con là Mai Thị Vàng,con gái quan phụ đạo Mai Khắc Đôn chứ gì?

Vua Duy Tân giọng rất vui:

-Thưa ả,đúng thế,vậy ả có bằng lòng không?

Mẫu hậu đáp”

-Ả bằng lòng.Nhưng tại sao con lại chọn như thế?

Vua Duy Tân đáp:

-Vì thân phụ của Mai Thị Vàng là thầy Đôn – người đã dạy con biết chữ,dạy con biết thương nước,thương dân,biết trọng dụng kẻ trung thần và xa lánh bọn nịnh thần.Con tin cô Vàng cũng từng được thầy dạy cho như rứa!

Mẫu hậu hỏi:

-Thế thì con có muốn làm lễ thành hôn trước tết không?

-Hãy để thông thả - Vua Duy Tân đáp – càng chậm càng tốt.Dăm ba năm nữa chúng con cũng chỉ vừa đôi mươi thôi!

Nhưng ý kiến của nhà vua không được chấp thuận.Theo tử vi thì nhà vua phải nạp phi ngay.Ngày 12 tháng Chạp năm Ất mao(16-1-1916) được chọn làm ngày nạp phi cho vua

(Theo tài liệu của báo Đất Việt,Canada 7-87)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 25 -

PHÒNG VẤN BÀ VƯƠNG PHI CỦA ĐỨC VUA DUY TÂN

(Phan Thị Nga thực hiện Báo Sông Hương số 5-6-1936)

... Trời mưa, trong màn mưa, làng An Ninh (Hậu thôn Kim Long) với những túp lều tranh, trông càng có vẻ tiêu tụy hơn. Không ai ngờ được rằng trong những túp lều tranh ấy lại có một bà vợ vua ở đó.

Đi một đoạn đường hơi rộng, chúng tôi rẽ vào một ngõ hẻm đầy bùn, hai bên có lùm tre già đổ bóng. Ngót mười phút mới tới nhà Vương Phi. Qua khỏi ngõ cửa hẹp, bức bình phong hoa cẩn đơn sơ, chúng tôi bấm chân dò từng bước trên sân thảm rêu xanh mà tạt về phía tay phải. Thoáng thấy có một người hình vóc cân phân, bao tóc, đeo kiếng, mặc áo the tím từ nhà ngang đi lên, vụt qua khung cửa nhà trên, bạn tui bấm tui rồi nói nhỏ:

-Vương Phi đó rồi!

Lanh chân chúng tôi bước vào nhà dưới. Một cái nhà tranh nền đất, cụ bà (thân mẫu của Vương Phi) niềm nở dắt tay chúng tôi kéo lên nhà trên, lấy chiếu trải nơi phản gỗ kê ở gian phòng giáp nhà ngang. Tươi cười, cụ bà bảo chúng tôi:

-Các chị có lòng nghĩ tới, đến nói chuyện với bà, thế là tốt lắm. Mời các chị ngồi, chớ có rụt rè làm chi!

Nói thế chúng tôi nghe thế, chứ còn giữ lễ chúa tôi, chưa dám ngồi.

Sau một nụ cười, Vương Phi bước ra, nhẹ nhàng đặt mình ngồi trên chiếu vừa trải, xếp bê he(sic) ra lịnh

-Các chị cứ tự nhiên ngồi nói chuyện cho vui, chớ có kè né!

Tưởng chẳng còn nên từ chối nữa, chúng tôi cùng ngồi một chiếu với Vương Phi. Vương Phi đỡ tráp trà mời chúng tôi ăn, rót nước cho chúng tôi uống.

Cúi mặt, Vương Phi đưa đôi tay mềm mại trắng hồng ra vôn về cuốn thuốc. Chốc chốc, người ngược đôi mắt lá đào đen nhánh, mơ mộng nhìn lên chúng tôi, hoặc để trả lời hoặc để mở đầu câu chuyện. Vương Phi không đánh phẩn, không thoa son, nhưng cái khuôn mặt đầy đặn, tròn bé, mịn màng, hồng hồng càng nhìn càng dễ mến...

Trong khi nói chuyện, Vương Phi nói bằng giọng rất nhỏ nhẹ, đủng đỉnh, êm ru, thỉnh thoảng lại điểm một nụ cười xinh xắn, ẩn nét buồn rầu thăm thẳm...

Ngồi lâu, mỏi, Vương Phi nhè nhẹ trở chân, tay nâng vạt áo tím hồng đã cũ che chiếc quần lĩnh cải màu ua úa. Tôi thoáng thấy một miếng vá bằng bàn tay ở đùi bên phải... Nhìn quanh ba gian nhà thấp hẹp, chẳng nhận ra được một thứ gì là dấu vết của ngôi báu ngày xưa, tôi ái ngại!...

Tôi muốn biết cách sống của Vương Phi khi còn ở trong cung, nhưng mở đầu câu truyện rất khó, gợi dân tôi đánh bạo hỏi:

-Dạ, dịp Hội chợ Huế độ nọ bà có đi không?

-Mấy bữa đó trời mưa luôn, tôi không đi, nhưng nghe người ta nói lại thì Hội chợ Huế cũng chẳng to bằng Hội chợ ở Sài Gòn, Hà Nội!

-Thế thì ra Bà có xem Hội chợ Sài Gòn, Hà Nội!

-Phải, tôi có đi, hồi mười mấy năm về trước, khi ở Pháp về!

-Lúc đó Bà cũng có sang Pháp nữa sao?

-À có chứ. Khi ở đảo Réunion từ biệt Ngài mà về, tôi có xin phép Ngài tạt qua Paris xem chơi mấy ngày. Lúc đó vừa gặp sau cơn đình chiến.

-Xin phép bà, khi ở ngoại quốc bà có cảm tưởng thế nào?

-Nói thiệt, khi mình chưa đi khỏi nước, mình tự cho đất nước mình là đẹp, là to. Nhưng lúc đã thấy được phong cảnh đất nước họ rồi, nhìn lại xứ mình thì cái đẹp, cái to chẳng vào đâu!

-Thưa bà, Ngài sang đến đảo Réunion bao lâu thì Bà sang?

-Không. Tôi đi với Ngài một lần. Lúc Ngài “bị đi” thì tôi đi ngay với Ngài.

-Ở đảo khí hậu và nhân dân ra làm sao? Có dễ chịu không, thưa Bà?

-Dễ chịu, đất nước không có độc gì cả. Nhân dân thì toàn làm một nghề chài lưới. Họ vui vẻ lắm, mua bán cũng tử tế. Ở đó thổ sản thật nhiều cá, ăn cá quanh

năm.

-Ở đó được bao lâu thì bà về?

-Được hai năm.

-Bà đã đi để cùng chịu hoạn nạn với Ngài, chúng tôi tưởng Bà ở luôn bên ấy, không hay sự Bà về!

-Hồi đầu ra đi, tôi há chẳng nghĩ như vậy? Nhưng tôi không biết làm sao, ở đảo Réunion phong thổ tuy tốt nhưng mà hình như sức khoẻ tôi không hợp, nên tôi hay đau. Vì thế mà tôi xin Ngài cho tôi về!

-Từ đó đến giờ (1936) Bà có sang thăm Ngài lại lần nào không?

-Tôi muốn đi lắm. Nhưng đường xá xa xôi, một lần đi là một lần khó. Trong thời buổi kinh tế này, xin nhà nước một món tiền để đi không phải là sự dễ, mà bỏ tiền nhà ra thì tôi không có tiền. Gặp cảnh nghịch áu là phải chịu.

-Ngài có năng gửi thư về thăm Bà không?

-Có, một năm cũng có đến mười cái thư của Ngài. Ngài gửi thư về bên Ngài Sanh, vài ba tháng tôi qua hầu thăm một lần, nhận một thể đôi ba cái thư. Năm ngoái đây, Ngài cho tôi hay Ngài đã có vợ đầm. Vừa rồi tôi nhận được thư Ngài cho hay người ấy đã đẻ!

-Dạ, lấy vợ đầm, Ngài có xin phép Bà không? Mỉm cười Vương Phi đáp:

-Xin phép chi. Ngài ưng sao, Ngài làm vậy. Ngài chỉ nói cho tôi biết mà thôi.

Đến đây trong óc tôi chợt vụt qua tư tưởng bất bình. Có lẽ bởi tôi thấy một sự bất đồng đẳng giữa một người nam và một người nữ. Hai người ấy đều ở trong cảnh nghịch mà sao một người được lấy vợ khác tự do còn người kia lại không được lấy chồng?

Bấy giờ hăn cái vẻ mặt bất bình có lộ ra trên nét mặt tôi, cho nên Vương Phi vội vàng nói tiếp, ý chừng để dò:

-Ngài cũng nói: cho phép tôi tự ý. Nhưng các chị nghĩ người không biết suy nghĩ, chẳng nói làm chi. Chứ con nhà nề nếp như tôi dầu thế nào cũng phải giữ danh giá. Vẫn biết tuổi trẻ chưa dám chắc ở mình, nhưng bây giờ có nói đến việc gì cũng là khó. Thôi thì tôi tưởng chỉ có hy sinh cái đời tôi cho Ngài cho trọn.

Câu của Bà vừa nói làm cho tôi thêm ảo não, tôi không thể không nghĩ đến, sự

sinh hoạt lẻ loi hiu quạnh của bà,tôi phải hỏi:

-Thế thì lâu nay bà sống với gì?

Thầy tôi trước làm quan thanh liêm nên nhà chẳng có chi.Còn lương tiền của tôi chẳng bao tầm.Trước kia mỗi tháng chỉ có 15 đồng,sau kêu nài lắm thêm được 10 đồng.Nếu nhà nước biết nghĩ,phát cho tôi một tháng 50 đồng tưởng cũng không quá đáng.

Lúc này là lúc câu chuyện đã vào được hơi sâu rồi,tôi day qua hỏi:

-Nghe nói đức Duy Tân ngày xưa tuy trẻ mà nghiêm nghị lắm,không biết lúc ở thường thì Ngài cư xử với các Bà như thế nào?

-Người ngoài tưởng hễ đã là vua thì phải có tính cách khác thường dân.Tưởng vậy là lầm.Vua cũng như người thường,ngoài giờ làm việc,Ngài vẫn chơi đùa,vẫn nói cười chuyện vãn.Tóm lại vua vẫn sống cái đời bình dị của mọi người...

-Dạ,cách xưng hô giữa Bà và Ngài thế nào?

-Ngài thường kêu tôi bằng bà,có khi bằng khanh,có khi bằng em.Tôi phải tâu gọi Ngài và xưng “em”

-Thưa,ăn có ngồi chung một mâm không?

-Ở trong Nội mỗi Bà có viện riêng.Ai ăn riêng phần nấy,có người nấu cho mà ăn,chớ không có lệ ăn chung.Vì mỗi bà đều có lương tháng cả.Tuy thế,hồi tôi mới vào cung đương còn bỡ ngỡ, lại chưa tìm được người nấu ăn nên Ngài có cho phép tôi được ăn chung với Ngài.

Ngừng một giây rồi Bà nói tiếp”

-Mỗi thời mỗi khác.Hồi trước chúng tôi phải theo lễ nghi nhiều,lại phải làm dâu.Buổi đó chúng tôi chẳng có khi nào ra ngoài được.Trên còn có lưỡng cung,hàng ngày phải châu hầu,nên lúc rỗi chỉ được dạo quanh vườn hoa trong Nội mà thôi.

-Thưa,mỗi khi đi dạo như thế,Ngài có đi với Bà không?

-Cũng có.

-Nghe nói đức Vua hay làm thơ lắm,có không thưa bà?

-Có,Ngài có làm nhiều bài,lâu ngày quá tôi quên đi.

-Bà còn nhớ ít nhiều chớ?

-Không tôi quên cả.

Có nhiều bài thơ truyền tụng nói là của vua Duy Tân mà có người nói là không phải.Đó cũng là một sự hoài nghi mà tôi muốn hỏi Bà để nói rõ thêm trên báo Sông Hương cho bạn đọc viết.Nhưng coi ý Bà không muốn đáp nữa nên tôi phải lảng sang chuyện khác.

-Cảnh trong Nội cung đáng mến lắm Bà nhỉ?

-Phải,mến vì cảnh có mà mến vì cái khác cũng có.Nhưng chuyện đã cũ nhắc tới làm chi...

Nghe đến đây,tôi biết Bà không muốn nói chuyện nữa,hai chị em đành cáo từ ra về.

Lúc ra về Bà có nói:

-Nhiều người làm báo lôi thôi lắm.họ cứ đến đây đòi phỏng vấn tôi.Người ta đã ở yên mặc người ta,họ còn bới đến làm chi!

Chúng tôi cười mà không đáp,cúi đầu chào Bà và bà cụ rồi bước ra.

Bài này đăng trên báo,chúng tôi có lời xin lỗi Bà,nhờ bà đánh chữ đại xá cho,vì chúng tôi cũng là một trong những người ấy.

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 26 -

VỢ CỰU HOÀNG ĐẾ DUY TÂN VỀ THĂM QUÊ CHỒNG

Tháng 4-1987,Nhà nước Việt Nam và gia đình cựu hoàng Duy Tân đã tổ chức trọng thể lễ đưa hài cốt Hoàng đế từ Cộng Hoà Trung Phi về an táng ở Huế.

Đầu năm 1988,vợ cựu hoàng Duy Tân là bà Fernande Antier đã về thăm quê chồng.Cùng đi với bà có vợ chồng người con trai út Joseph Roger(sinh năm 1938).

Đây là một cuộc viếng có tính chất gia đình nhưng bà Duy Tân đã được thành phố Hồ Chí Minh,thành phố Huế và tỉnh Bình Trị Thiên đón tiếp thân mật.Bà rất cảm động.Bà xem việc Nhà nước đối đãi với gia đình cựu hoàng đế như thế là một niềm an ủi lớn nhất kể từ sau ngày cựu hoàng tử nạn cuối 1945 trong một trường hợp cho đến nay chưa có sự giải thích thoả đáng.

Nhân chuyến về tham của bà Fernande Antier tại Huế,tôi tranh thủ thực hiện một cuộc phỏng vấn nhỏ nhằm cung cấp thêm cho các độc giả một số tư liệu về quãng đời lưu đầy của vị hoàng đế yêu nước.

Nguyễn Đắc Xuân(**NDX**):Thưa bà,đồng bào Việt Nam rất yêu kính cựu hoàng Duy Tân(DT) họ đã biết rõ về những năm Ngài làm vua cũng như lúc Ngài đứng ra lãnh đạo cuộc khởi nghĩa bất thành năm 1916,nhưng ít người biết được tin tức liên quan đến Cựu hoàng trong suốt thời gian 30 năm lưu đầy của Ngài ở đảo Réunion.Hiện nay có lẽ không ai có thể biết được những thông tin ấy hơn bà.Vậy xin bà vui lòng cho phép chúng tôi làm phiền bà qua ít câu hỏi sẽ nêu sau đây:

Bà Fernande Antier(F.A): tôi rất sẵn sàng.Nhưng xin nói trước,tôi không biết gì nhiều.bởi lẽ Cựu hoàng Duy Tân sống rất kín đáo,ngoài việc trao đổi sinh hoạt bình thường trong gia đình,Cựu hoàng cũng rất ít khi thổ lộ tâm tư tình

cảm,nhất là chuyện đất nước với vợ con.Hơn nữa,chuyện cũng đã quá bốn mươi năm rồi mà tôi thì tuổi cao, nay đã 75,sợ trí nhớ không còn minh mẫn đủ để làm vừa lòng nhà báo.

NĐX - Xin bà cho biết vài nét về gia đình.

Bà F.A – Tôi là người Pháp,gia đình tôi sang sinh sống ở đảo đã khá lâu.Tôi có hai chị em gái,không có anh em trai,ba mẹ tôi sống bằng việc buôn bán nhỏ ở vùng Salazie thuộc Réunion.

NĐX – Thưa bà,Cựu hoàng Duy Tân đã gặp bà trong trường hợp nào?

Bà F.A – Vào khoảng năm 1927,Cựu hoàng sống độc thân trong một ngôi nhà nhỏ để rảnh rang việc học hành.Cựu hoàng không biết nấu ăn,với số tiền trợ cấp hàng tháng gửi từ Việt Nam sang không cho phép nhờ người giúp việc...gia đình tôi nấu cơm tháng cho học sinh,Cựu hoàng đã đến dùng và...từ đó chúng tôi quen nhau!

NĐX – Thưa bà,lúc đó bà có biết Duy Tân là một ông vua bị lưu đày không?

Bà F.A – Có biết lời mờ.Nhưng chúng tôi yêu nhau vì quý trọng nhau chứ không phải vì chuyện ấy!

NĐX – Cựu hoàng để có kể chuyện Việt Nam với người Réunion không?

Bà F.A – Người Réunion không biết gì về Việt Nam.Vì thế Duy Tân chẳng bao giờ nói chuyện Việt Nam với họ.Duy Tân sống thầm lặng...Thời gian của Cựu hoàng chỉ dành cho hai việc:học để mở mang trí tuệ,chơi thể thao để luyện tập thân thể tráng kiện.

NĐX – Thưa bà,ngoài việc học tập và luyện tập thân thể Ngài còn có sở thích nào khác không?

Bà F.A – Cựu hoàng còn có khiếu âm nhạc,Ngài chơi violon(vĩ cầm) giỏi và có chân trong ban nhạc đại hoà tấu tại Saint Denis;viết văn hay,nuôi ngựa và đua

ngựa.Cựu hoàng đã giết giải nhất trong cuộc đua ngựa lớn ở đảo.Nhưng trội hơn cả là sở thích về vô tuyến điện!

Bị tù đầy ở đảo Réunion,cựu hoàng thích vô tuyến điện không chỉ vì ngành kỹ thuật này hay,có thể giúp gia đình sinh sống mà còn vì đây là phương tiện duy nhất cho phép Cựu hoàng liên lạc với thế giới bên ngoài.

NĐX – Thưa bà,bà và cựu hoàng sinh hạ được mấy người con?

Bà F.A – Có bốn người

1. Rita Suzi Georgette Vĩnh San,sinh năm 1929.
2. Guy Georges Vĩnh San,sinh năm 1933.
3. Yves Claude Vĩnh San,sinh năm 1934.
4. Joseph Roger Vĩnh San,sinh năm 1938 (1)

NĐX – Họ của cựu hoàng Duy Tân là Nguyễn Phước,Vĩnh là chữ lót để chỉ thế hệ thứ bậc trong giòng họ nhà vua, San là tên huý của cựu hoàng...tại sao các con bà lại lấy hai chữ “Vĩnh San” làm họ? Cựu hoàng không giải thích và không đặt tên Việt Nam cho các con hay sao?

(1) Tôi được biết Cựu hoàng còn một người vợ thứ là Maillot Marie Ernestine,sinh cô Marie Gisèle Andréc năm 1945

Bà F.A – Hoàng phụ Thành Thái có giải thích và các con tôi đều có tên Việt Nam, nhưng sau ngày cựu hoàng Duy Tân mất,hoàng phụ Thành Thái về nước,chúng tôi không nhớ được tên Việt Nam cho nên nảy ra tình hình như thế.

NĐX – Thưa bà,bà có biết vì sao cựu hoàng Duy Tân không ở chung với hoàng phụ?Giữa hai người có sự bất đồng nào chăng?

Bà F.A và Roger Vĩnh San (cùng đáp): Tuy là cha con nhưng hai người đã từng là hai ông vua,được hấp thụ hai nền giáo dục khác nhau,hai người có hai cái

nhìn khác nhau về tương lai: Cựu hoàng Thành Thái thì bất hợp tác với người Pháp để giữ khí tiết đến cùng; cựu hoàng Duy Tân lại muốn gần Pháp để tìm con đường giành lại nền thống nhất, độc lập cho đất nước. Như thế làm sao cha con có thể gần nhau được. Nhưng cựu hoàng Duy Tân rất kính nể hoàng phụ Thành Thái: hàng tuần – Roger nói – mẹ tôi thường nấu một món xúp ngon nhất để dâng lên ông nội...

NĐX – Thưa bà, Cựu hoàng thường giao du với giới nào? Xin bà cho biết một vài người bạn thân của cựu hoàng ở Réunion.

Bà F.A - ở Réunion có 23 gia đình nắm hết toàn bộ các thế lực về kinh tế và chính trị, Cựu hoàng không giao du với họ. Ngài quen thân với một số trí thức người Pháp ở tại đảo như ông Raoul Nativen (chưởng lý, trong luật sư đoàn), bác sĩ Vinson, ông Hugues Palant...

NĐX – Thưa bà, bà cho biết điều gì đã ảnh hưởng đến cựu hoàng Duy Tân nhất trong thời gian bị lưu đày?

Bà F.A – Điều chi phối tâm trí Ngài nhiều nhất là làm thế nào thoát khỏi Réunion một cách chính đáng để tìm cơ hội cứu nước Việt Nam. Có lẽ chính phủ Pháp biết điều này cho nên đã tìm mọi cách đày Ngài ở đảo cho đến chết, làm cho Ngài nhiều lúc muốn phát điên !

NĐX – Khi Cựu hoàng tử nạn máy bay, chính phủ Pháp có thông báo cho gia đình bà biết không?

Bà F.A – Được tin Cựu hoàng sẽ về nhà, gia đình chúng tôi ngồi trông, nhưng sau đó không thấy Ngài về. Chúng tôi đánh điện hỏi khắp các sân bay nằm trên đường bay từ Paris về Réunion. Chiều hôm sau, chúng tôi đau đớn nhận được tin Cựu hoàng đã tử nạn máy bay. Cơ quan trả lời là một đơn vị quân đội, còn chính phủ Pháp thì im lìm!

NĐX – Vào cuối đời, Cựu hoàng được chính phủ de Gaulle rất trọng quý, thế mà vì sao khi Ngài tử nạn, chính phủ ấy làm thinh, bà có hiểu vì sao không?

Bà F.A – Chúng tôi không biết được lý do.

NĐX – Sau ngày Cựu hoàng tử nạn, chính phủ Pháp có sự giúp đỡ nào cho gia đình bà không?

Bà F.A – Chúng tôi bị bỏ rơi.Mỗi tháng chúng tôi nhận được một số tiền trợ cấp trị giá bằng 200 phờ-răng bây giờ(nhận được cho đến năm Roger 18 tuổi).Số tiền này không đáng kể,mẹ con chúng tôi phải tự lo liệu nuôi nhau.Số tiền trên từ Việt Nam gửi qua.

NĐX – Thưa bà,nuôi nhau bằng cách nào?

Bà F.A – Các con tôi đều phải nghỉ học.Suzi và Claude đi làm,Georges đăng lính,Roger thì tuy còn quá nhỏ nhưng cũng phải làm việc nhọc nhằn mới đủ sống.

NĐX – Cái chết của cựu hoàng Duy Tân rất khó hiểu.Bà có nghĩ đến việc có một âm mưu ám hại nào không?

Bà F.A – Chúng ta có quyền suy nghĩ.Nhưng khi chưa tìm được những tài liệu chính xác thì không được đổ lỗi cho ai!

NĐX – Thưa bà, bà có còn giữ được những kỷ vật của cựu hoàng để đưa vào nhà lưu niệm sẽ xây trong khu vực lăng của Ngài không?

Bà F.A – Sau khi nghe tin cựu hoàng tử nạn,gia đình chúng tôi hết sức bối rối.Mọi người đều phải nghĩ đến việc giải quyết cuộc sống như thế nào nên không ai để ý đến việc cất giữ những kỷ vật ấy làm gì.Đến lúc thấy cần thiết thì đã muộn!Tuy nhiên chúng tôi sẽ cố gắng sưu tập,nhưng ít hi vọng thoả mãn được yêu cầu của nhà lưu niệm.

NĐX – Thưa bà,gia đình bà rời đảo Réunion từ lúc nào?và đến Pháp năm nào?

Bà F.A – Năm 1955 gia đình chúng tôi phiêu lưu theo Suzi sang tìm việc ở Madagascar và ở đó 10 năm.Đến lúc Georges ra lính xin làm việc ở Pháp,thế là lần lượt gia đình chuyển sang Pháp luôn.

NĐX – Lần đầu tiên về “quê chồng” xin bà cho biết một vài cảm tưởng?

Bà F.A – Tôi đã nghe nói đến Việt Nam rất nhiều,nhưng tôi vẫn ngạc nhiên trước cảnh đẹp của Việt Nam,nhất là Huế,đẹp lắm! Tôi cảm động trước sự nhiệt tình của chính quyền và đồng bào Việt Nam ở thành phố Hồ Chí Minh,ở Nha Trang,Đà Nẵng và Huế đã dành cho gia đình cựu hoàng Duy Tân,mặc dù lần này chúng tôi về tham với tư cách cá nhân đi du lịch.

NĐX – Ngoài mục đích về thăm quê chồng,bà còn có mục đích gì khác trong chuyến đi này không?

Bà F.A – Theo yêu cầu của con và gia đình,lần về thăm này chúng tôi lưu ý đến ba việc: một mặt là đặt vấn đề đưa mộ bà Hoàng quý phi Mai Thị Vàng từ Hậu Thôn Kim Long về cải táng gần lăng Cựu hoàng Duy Tân;hai là xem vấn đề qui hoạch khu vực lăng Thành Thái – Duy Tân để xây dựng và dần dần đưa vào phục vụ khách du lịch;ba là tính toán việc xây la thành bảo vệ khu vực lăng Thành Thái – Duy Tân.

NĐX – Thưa bà,bà có điều gì muốn đề nghị với nhà nước Việt Nam nữa không?

Bà F.A – Không có lời đề nghị nào nữa , nhưng cũng nhân đây , tôi xin nhắc lại một lời đề nghị cũ đã đề bạt lên Thủ tướng Phạm Văn Đồng hồi tháng tư năm 1987,đó là : ở Hà Nội,ở Huế,và ở thành phố Hồ Chí Minh trước kia đều có đường Duy Tân,sau ngày giải phóng 1975,một số nơi bỏ,chúng tôi mong sớm có những con đường mang tên Duy Tân đặc biệt là ở Huế.

NĐX – Xin cảm ơn bà đã giúp chúng tôi thực hiện cuộc tiếp xúc này.Chúc bà nhiều sức khoẻ để Việt Nam còn có dịp đón bà về thăm nhiều lần nữa.

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 27 -

CHUYỆN CÁC BÀ VỢ VUA KHẢI ĐỊNH

Vua Khải Định là Hoàng trưởng tử của vua Đồng Khánh(1885-1888).Khải Định là một trong hai vị vua mang tiếng “bất lực”,nghĩa là kém khả năng trong tình dục, ân ái.

Suốt 10 năm làm vua (1916-1925),ông đã nuôi Nguyễn Đắc Vọng làm thị vệ.Ban đêm ông ôm Vọng mà ngủ.Nhờ sự khéo léo trong việc phục tùng này mà ông Vọng đã được thăng tiến đến Ngũ đẳng thị vệ. Những buổi sáng phải ra điện Cần Chánh thiết triều,các bà đứng hai hàng bái kiến đón chào, ông liền dùng tay ôm gọn hai vạt áo bào sát vào người để khỏi vướng vào “đàn bà”...

Nhiều người biết Khải Định bất lực, chính vua cũng nhận điều đó.Thế nhưng các quan đại thần thì vẫn muốn “tiến” cung con gái mình vào làm vợ vua. Khó lòng chối từ,vua thường nói với các quan”

- Nội cung của Trẫm là một cái chùa (ý nói không có chuyện ái ân tình dục),ai muốn tu thì cứ vào!

Do đó,dù Khải Định không gần gũi đàn bà, ông vẫn có đủ tam cung lục viện như các vua tiền triều.

Trong số đông đảo các bà vợ vua Khải Định,được nhắc đến nhiều nhất là Đệ nhất Giai phi họ Trương,bà Ân phi Hồ Thị Chỉ và bà Huệ phi Hoàng Thị Cúc (tức bà Từ Cung).

Ba bà được tiến cung trong ba trường hợp khác nhau.

Bà họ Trương là ái nữ quan đại thần Trương Như Cương được cưới làm phủ thiếp khi vua Khải Định còn là ông Hoàng Phụng Hoá Công ở Tiềm đế (sau xây thành cung An Định). Lúc đó ”ngài” Phụng Hoá Công còn hàm vĩ nhưng lại

ham chơi cờ bạc thâu đêm suốt sáng. Cứ mỗi lần thua bạc là một lần bắt bà vợ họ Trương về xin tiền cha mẹ để “ngài” gỡ... Vì thương con gái, ông bà Trương Như phải bầm bụng chiều theo, thoả mãn mọi yêu sách của chàng rể vương tôn. Thấy thế Phụng Hoá Công đình ninh của cái nhà nhạc gia là vô tận nên càng cờ bạc ăn chơi đã đời... Thật ra thì tuy gia đình họ Trương đại thần giàu có nhưng chưa phải là muốn mấy cũng có. Ông Trương xuất thân từ làng thợ rèn Hiền Lương, một làng lao động có nề nếp, cho nên dù làm quan đến tột đỉnh danh vọng, ông vẫn giữ phong cách giản dị, cần kiệm của người cha là người lao động. Cứ kéo dài cảnh ném tiền qua cửa sổ như thế này, các cụ không chịu nổi. Nhiều lần bà phủ thiếp Phụng Hoá Công đã bị cha mẹ quở trách nặng nề...

Thế rồi... một hôm (vào khoảng năm 1915) Phụng Hoá Công nảy ý định mở một chén bạc lớn để thử thời vận. Khi thấy Công hô lớn, nhưng trên chiếu đã sạch tiền, các con bạc chặn tay Công lại, đòi phải trưng đủ tiền chung mới được mở chén. Thâm tâm Công đã muốn mở liều, không ngờ bị lật tẩy... Một phần vì muốn ăn to, phần vì sợ mất mặt, Phụng Hoá Công liền bảo vợ về nhà xin tiền... Bà phủ thiếp họ Trương đau đớn vì thấy đức ông chồng đã bất lực mà chẳng còn biết liêm sỉ, bà dùng dằng không muốn đi... Công nổi nóng la lối om sòm, dọa sẽ có thái độ với bà. Cuối cùng bà đã đi và đó cũng là lần cuối cùng bà về nhà xin tiền cha mẹ cho chồng cờ bạc...

Ngán ngẩm sự đời, bà họ Trương quyết định dứt áo ra đi, giã từ cuộc đời làm phủ thiếp. Bà lập một cảnh chùa tại độn Sầm, làng Thanh Thủy, huyện Hương Thủy (cách kinh thành Huế chừng 3km về phía Nam) để tu thiền, lấy pháp hiệu là Đạm Thanh, biệt hiệu là Tuyết Nhan.

Năm 1916, vua Duy Tân khởi nghĩa chống thực dân Pháp thất bại, vua bị đày sang đảo Réunion (thuộc châu Phi), người Pháp chọn Phụng Hoá Công đưa lên kế vị lấy niên hiệu là Khải Định.

Nhớ chút nghĩa xưa, Khải Định phái người lên chùa rước bà về làm Đệ Nhất Giai Phi. Bà từ chối. Để tỏ rõ chân tâm của mình với cố nhân, Khải Định vẫn dành chức Đệ Nhất Gia Phi (hay hoàng quý phi) cho bà họ Trương, dù đã dứt

tình... Người vợ chính thức do triều đình cưới vua Khải Định chỉ phong bậc Đệ Nhị Giai Phi...

Vua Khải Định vừa yên vị, đại thần Hồ Đắc Trung đã “tiến” ngay vào Nội một người con gái. Bà họ Hồ tên là Chi đã từng được thân sinh gả cho vua Duy Tân, nhưng vua Duy Tân không nhận. Cụ Hồ Đắc Trung có tiếng là người đã bênh vực vua Duy Tân trong cuộc khởi nghĩa không thành năm 1916, nay sợ Khải Định, người đối lập với Duy Tân nghi ngờ, nên cụ tìm cách tạo mối liên kết tình cảm để vua tôi hiểu biết nhau, bằng việc tiến cung con gái mình.

Là con quan đại thần, được Triều đình cưới hỏi đúng nghi lễ, bà Hồ Thị Chi được phong chức rất cao nhưng cũng vẫn ở vào bậc Ân Phi (Đệ Nhị Giai Phi)

Tước cao, chức trọng, danh nghĩa là vợ chính ở với vua Khải Định, nhưng thực chất bà chẳng được tí gì về ái ân chăn gối với ông vua “bất lực”. Bà phải chấp nhận cảnh đóng kịch làm vợ vua như thế để được hưởng phú quý danh vọng, với ý nghĩ mình sẽ là mẹ đích thực của hoàng tử Vĩnh Thụy, vì bà Từ Cung tuy là mẹ sinh, nhưng là con nhà bình dân, lại không được cưới hỏi theo nghi lễ triều đình ... Có lẽ đọc được ý nghĩ đó nơi bà Ân phi mà ngày vua Khải Định mất (1925) đáng lẽ ông phải trăng trối trao rương hòm, chìa khoá lại cho bà, thì Khải Định đã truyền trao cho bà Từ Cung với lời di ngôn văn tắt : “tử quý, mẫu vinh” (ý nói Vĩnh Thụy được quý trọng thì bà Từ Cung được vinh hiển). Việc làm này làm cho Ân phi họ Hồ tức giận muốn phát điên.

Và sau đó ... bà đã điên thật. Cuối cùng bà đã chết già trong một tu viện Thiên chúa giáo.

Bà vợ thứ ba là Huệ phi Hoàng Thị Cúc sinh ra Vĩnh Thụy, lên ngôi lấy niên hiệu là Bảo Đại, bà Từ Cung được vinh danh là Đoan Huy Hoàng thái hậu...

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 28 -

LẤY CHÚ LÀM CON

Vua Đồng Khánh sinh được sáu trai và hai gái nhưng chỉ nuôi được một trai là Bửu Đảo và hai gái là công chúa Ngọc Lâm và công chúa Ngọc Sơn. Gia đình vua Đồng Khánh với bà Thánh Cung (con đại thần Nguyễn Hữu Độ) và bà Tiên Cung (họ Dương, mẹ đẻ Bửu Đảo sau này là vua Khải Định) hằng hy vọng những gì vua Đồng Khánh đã vun đắp được trong thời gian ở ngai vàng (1885-1888).

Khi Bửu Đảo đến cuối thập phủ thiếp, hai bà vui mừng đi cưới con quan đại thần Trương Như Cương cho con trai mình ngay. Cuộc hôn nhân này thật tuyệt vời: làm rể họ Trương vừa có thế lực vừa được của cải, biết đâu "trời đất đoái hoài" Bửu Đảo được chọn làm vua, nào ngờ vợ chồng Bửu Đảo ăn ở với nhau không có hạnh phúc. Ngày đêm Bửu Đảo chỉ ham thích đánh bạc không ngó ngang đến bà vợ mới cưới, khi vợ chồng gặp nhau, Bửu Đảo chỉ bàn có một việc là làm sao xin gia đình họ Trương cho thật nhiều tiền. Vợ Bửu Đảo rất buồn, nhiều lần phải khóc lóc với cha mẹ mới xin được đủ tiền cho chồng tiêu xài.

Lúc đầu, gia đình họ Trương còn giữ uy tính cho ông Hoàng Phụng Hoá Công (tước của Bửu Đảo lúc còn Tiền đế) nhưng về sau Bửu Đảo cứ ép vợ về lấy tiền hoài, Trương gia rất bất bình đã nhiech chàng rể là "đồ bất lực vô hậu".

Biết chuyện con trai duy nhất của mình "không có hậu" hai bà Thánh Cung và Tiên cung buồn bã thất vọng não nề. Suốt ngày than thở cùng nhau về hậu vận. Và cứ thế, nỗi lo lắng chồng chất làm cho đêm mất ngủ, ngày biếng ăn... sức vóc của hai bà ngày càng sa sút tiêu tụy... Tuy ham mê cờ bạc nhưng Bửu Đảo là đứa con có hiếu, thấy hai mẹ mình đau buồn như thế ông cũng phát lo.

Ông đem chuyện tâm sự với một người trong hoàng tộc thuộc bậc ông, nhưng tuổi tác lại đồng trang với cháu. Vị hoàng thân đó là cụ Hường Đ. Trong nhiều

năm lui tới trà,rượu,bạc bài với cháu là Bửu Đảo ở Tiềm Đế,cụ Hường Đ. Đã được cháu gọi bằng ông ấy giúp đỡ những lúc thiếu thốn.Do đó,lần này,nhân được Bửu Đảo muốn san sẻ một phần khó khăn của mình,cụ Hường Đ. đã ra tay giúp cháu...

Bửu Đảo đã rất vui mừng khi nghe cụ Hường Đ dựng lên câu chuyện sau đây:

“Phụng Hoá Công vốn là người bất lực. Nhưng một hôm, Công bắn được một con chồn hương, người nhà đã hầm con chồn hương với sâm, nhung và nhiều vị thuốc bổ dương khác. Buổi tối, Công uống rượu và ăn món hầm đại bổ ấy... liền cảm thấy hứng khởi và nổi cơn “đòi phụ nữ”... Cái phút thần hạnh phúc ấy đến đột ngột,sợ nó” tan biến đi nên sẵn có cô Hoàng Thị Cúc đang ở trong nhà, Công liền gọi đến “dùng” và may mắn sao cô Cúc đã thụ thai!

Tin cô Cúc có thai với Bửu Đảo đến tai bà Tiên Cung và bà Thánh Cung và những thân thích trong gia đình Phụng Hoá xem như một phép lạ.

Để xác minh thực hư,các bà đã sai đào một cái hố (sâu khoảng hai tấc) bảo cô Cúc nằm sấp,để cái bụng có mang nằm lọt dưới hố, rồi dùng roi đánh tra hỏi cô Cúc đã lấy ai mà dám vu chu Phụng Hoá Công. Cô Cúc cắn răng chịu đựng hình phạt và chỉ định ninh một lời khai là đích thị có mang với Bửu Đảo. Thế là các bà mừng rỡ công bố cho hoàng tộc biết Phụng Hoá Công sắp có con.

Và lúc ấy, trong hoàng tộc dù tin hay ngờ đều phải công nhận như thế.

Sự thật,theo ông Phan Văn Dật và ông Ngũ đẳng thị vệ Nguyễn Đắc Vọng thì không có chuyện Bửu Đảo “dùng” cô Cúc và may mắn cô Cúc có thai. Cô Cúc đã mang thai với chính Hường Đ.từ trước. Được Hường Đ. nhường cho một bào thai, Bửu Đảo rất hàm ân người ông. Để đền ơn,Bửu Đảo đã giúp đỡ rất nhiều (về quan tước cũng như vật chất tiền bạc).

Do có sự giúp đỡ của anh Bửu Dương,chúng tôi được đọc 17 cuốn vở gồm 1700 trang viết tay của thầy Ứng Đồng (con trai cụ Hường Đ.)viết về lịch sử gia đình và họ hàng nhà mình.

Qua tập di cảo đồ sộ ấy,chúng tôi đã lọc ra được một số chi tiết có liên quan đến

sự việc thân sinh của Vĩnh Thụy sau là “hoàng đế Bảo Đại” là con cụ Hường Đ.

Trong khi đi dự họp Nguyễn Phước Tộc ở Phú Tân thầy Ứng Đồng thường hay được chào là “Ông giáo sư em của Cựu hoàng”, lời chào này hàm ý thầy Ứng Đồng với Bảo Đại là anh em cùng cha. Thầy Ứng Đồng cho biết: “Khoảng năm 1972 thân phụ ta và hoàng tử Bửu Đảo là đôi bạn thân ăn một mâm năm một chiếu”.

Ngày 22-10-1913 Vĩnh Thụy ra đời thì một tháng rưỡi sau (7-2-1913) Ứng Linh, con chính thức cụ Hường Đ. cũng ra đời. Hai cậu bé này lớn lên đều to béo khoẻ mạnh giống nhau, ảnh của hai người đặt cạnh nhau thấy giống như anh em ruột.

Thầy Ứng Đồng còn cho biết thêm: “Bà ngoại ta thường vào cung Diên Thọ chào thỉnh an đức Từ Cung. Đức Từ Cung gọi bà ngoại ta (tức là mẹ vợ cụ Hường Đ.) bằng “dì” dù bà ngoại ta không có họ hàng thân ruột gì với đức Từ Cung”.

Bà Từ Cung nhiều lần dặn mẹ cụ Hường Đ. “khi nào Hoàng đế hồi loan, dì cho thằng Đồng vào đây ở để nó được nhờ” (Phải chăng bà Từ Cung hàm ý cho Ứng Đồng vào Nội để hưởng lộc của anh?!).

Đoạn tư liệu trực tiếp nhất là: vào khoảng năm 1934, trong một lần vào Đại Nội tham viếng hoàng đế Bảo Đại, ông Hường Đ. đã bị mật thám Pháp ngăn trở. Về nhà ôm đầu bức tức, ông “quở” rằng: “Đồ chó má! Tau là cha vua mà tụi nó chẳng nể nang chi”.

Nếu quả thật như dư luận (được thầy Phan Văn Dật thuật lại) và như đã ghi một cách khá rõ trong tài liệu của gia đình cụ Hường Đ., thì vua Khải Định đã nhận chú làm con (1)

(Theo lời kể của Phan Văn Dật căn cứ di cảo của Ứng Đồng, tài liệu của R.Orband và của Nguyễn Đắc Vọng, Ngũ đẳng thị vệ triều Khải Định)

(1) Trong bài Đế hệ vua Minh Mạng đã chọn sẵn chữ lót để phân biệt đẳng hệ cho 20 đời con cháu mình như sau: Miên Hường Ứng Bửu Vĩnh Bảo Quý Định Long Trường Hiền Năng Kham Kế Thuật Thế Thoại Quốc Gia Xương. Theo phổ hệ trên, Bửu Đảo phải gọi con cụ Hường Đ. bằng chú nhưng Bửu Đảo được cụ Hường cho một đứa con (dù còn phôi thai trong cô Hoàng Thị Cúc) thế có nghĩa là Bửu Đảo đã nhận một người chú làm con mình...

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 29 -

BÀ HOÀNG HẬU CUỐI CÙNG CỦA VIỆT NAM ĐƯỢC CHỌN NHƯ THẾ NÀO

Sau ngày ngự giá hồi loan (9-1932), tôi phải đảm trách nhiệm vụ bảo vệ nghi lễ. Tôi cố gắng hoàn thành một cách xuất sắc. Hằng ngày phải thi lễ trước bàn thờ liệt thánh và không quên ra vùng ngoại ô yên tĩnh và đẹp để ngoài Kinh Thành để cung nghiêm các tôn lăng.

Cùng trong cách thức ấy, sau khi nắm được quyền hành ở triều đình, tôi ban sắc phong tặng cho mẹ tôi làm Hoàng thái hậu.

Thế rồi đã có một sự kiện quan trọng đã diễn ra thay đổi cơ bản cuộc đời tôi.

Từ ngày tôi trở về nước trong Nội có một cuộc tranh giành chuyện nạp phi cho tôi. Hoàng thái hậu, các đại thần mỗi người có một “dự tuyển” của mình. Tôi gặp thoáng qua người này một chút, người kia một chút chứ chưa có chủ tâm với cô nào. Tôi biết vấn đề lựa chọn phi tần của một vị hoàng đế tùy thuộc vào quyết định của đình thần, tôi chờ người ta giới thiệu với tôi những người chính thức.

Nhân bàn đến chuyện nạp phi, tôi tuyên bố thẳng: tôi phá bỏ cái tục đa thê của người Việt Nam. Ông bà Charles – ân nhân của tôi, cũng bận tâm tìm cho tôi một người vợ. Họ mong muốn tìm được một người có một nền giáo dục như tôi.

Thế rồi cuối năm ấy (1933) tôi đi Đà-Lạt, trong một buổi tiếp tân ở phòng khách Palace, có cả toàn quyền Pasquier, người ta giới thiệu với tôi cô Nguyễn Hữu Thị Lan – con gái một hào phú theo đạo Thiên chúa ở Nam Bộ. Cô Lan ở tuổi 18, vừa học xong trường Couvent des Oiseaux ở Pháp.

Sau buổi gặp mặt ấy, chúng tôi đi lại thăm nhau nhiều lần. Nguyễn Thị Hữu Lan đã rất nổi tiếng ở Pháp. Cũng giống như tôi, cô chơi thể thao và thích âm

nhạc... Cô Lan có cái vẻ quyến rũ của con gái miền Nam. Triều Nguyễn có tập quán chọn phi tần cho các vị Hoàng đế ở Nam Bộ. Đối với Trung Bộ, hay cả Bắc Bộ, Nam Bộ luôn là một “vùng đất hứa”.

Sau nhiều lần gặp gỡ tình cảm yêu thương nhen nhóm giữa chúng tôi. Chúng tôi cầu mong được sống bên nhau.

Sau đó về lại Huế, tôi bẩm với mẹ về chuyện gặp gỡ cô Nguyễn Thị Hữu Lan và những dự định của tôi. Nghe tôi thưa chuyện, mẹ tôi không thể giấu được sự lo lắng, nhất là khi bà nghe cô Lan là con nhà Thiên chúa giáo và lớn lên trong lối sống của châu Âu. Mẹ tôi lâu nay chỉ ước mong tôi có một người vợ sống trong khuôn phép lễ giáo Việt Nam mà thôi. Lại còn vấn đề giáo dục con cái về tôn giáo cũng làm cho mẹ tôi bận tâm. Thật vậy, đó không những là việc tín ngưỡng mà còn là việc sơn hà xã tắc. Con cái chúng tôi theo Thiên chúa giáo, khi được phong hoàng thế tử rồi thì làm sao đứng cử hành việc thờ cúng liệt thánh hay lễ Tế Giao. Đình thần cũng có những lo lắng đó. Các quan bàn thảo sôi nổi. Trong lần gặp sau đó tôi đã nói thẳng với Nguyễn Thị Hữu Lan, tôi muốn cưới cô làm vợ. Bất chấp mọi hình thức lễ nghi, tôi thông báo quyết định của tôi với đình thần.

Ngày cưới của tôi được ấn định vào ngày 20-3-1934. Lễ cưới được tổ chức trước sự hiện diện của đình thần và đại diện nước Pháp. Đây là một lễ cưới đổi mới trước kia chưa từng có trong cung đình. Tôi cũng quyết định sau khi cưới tôi sẽ tấn phong cho vợ tôi làm hoàng hậu – danh hiệu hoàng hậu trước đó chỉ phong cho thái hậu khi vị hoàng đế qua đời.

Tôi chọn tên trị vì cho bà hoàng hậu mới, từ đó gọi bà là Nam Phương – Nam Phương có nghĩa là “hương thơm của Miền Nam”. và tôi ra một chỉ dụ đặc biệt cho phép bà được phục trang sức màu vàng – màu dành riêng cho Hoàng đế.

Lễ cưới được tổ chức ngay trong phòng tiếp tân của điện Cần Chánh. Cũng giống như lễ đăng quang, triều thần đứng sắp hàng dọc theo một tấm thảm đỏ và vàng dành riêng cho hoàng đế. Lần đầu tiên trong lịch sử triều Nguyễn có một

người phụ nữ xuất hiện giữa triều đình. Bà Nam Phương mặc một chiếc áo rộng thùng thình, chân đi hài mũi cong, đầu đội vương miện có đính vàng bạc châu báu óng ánh. Bà đi một mình đến giữa tẩm thất, tất cả triều thần cúi chào. Với một vẻ đẹp tuyệt vời bà đi thẳng vào các phòng lớn, tôi đang ngồi chờ bà trên một cái ngai thấp ở đó. Bà đến trước mặt tôi, cúi đầu chào tôi ba lần rồi vào ngồi ở cái chái bên phải của tôi. Chúng tôi sánh vai nhau bước đi trong tiếng nhạc mừng qua Tử Cấm Thành và điện Kiến Trung – nơi ở và làm việc chính của chúng tôi.

Lời nguyện ước ở bên nhau của chúng tôi trên cao nguyên Đà-Lạt, nay đã thành sự thật.

(Theo lời tự thuật của vua Bảo Đại trong Con Rồng An Nam)

HẾT

Nguyễn Đắc Xuân
Chuyện các bà trong cung Nguyễn
- 30 -

Ảnh các bà trong cung Nguyễn

Ảnh các bà trong cung Nguyễn



H1. - Công chúa Huế trong trang phục ngày cưới. Bản vẽ của Phí Hùng.



H6. - Vua Khải Định và hoàng tử Vinh Thụy
ngồi hai bên bà hoàng thái hậu Tiên Cung.



H8. - Bà Nam Phương và hoàng tử Bảo Long

H7. - Bà Từ Cung và hoàng tử Vinh Thụy





H2. - Nhà Thờ Lương của vua Duy Tân ở Cua Tung. Mỹ
họa của BAVH.



H3. - Các diễn viên trong cung đình cuối thế kỷ XIX. Ảnh
Tour d' Asie 1899.



H5. - Bà Fernande Antier (hàng trước, bên
trái) - "thứ phi" của vua Duy Tân.



H4. - Bà Mai Thi Vàng vào những năm cuối
đời ở hậu thôn Kim Long.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vỹ**.

Đánh máy: trieuvyphuong

Nguồn: Ct.Ly / VNthuquan - Thư viện Online

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 13 tháng 7 năm 2009